



ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN

Số: 544/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kinh Môn, ngày 20 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng TL 1/500 và Quy định quản lý
Dự án đầu tư xây dựng Chợ dân sinh và Trung tâm thương mại An Lưu

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy
định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP
ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô
thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 44/2005/NĐ-CP và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về Quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh
Hải Dương về việc Quy định phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý dự án
đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý hệ thống công
trình hạ tầng kỹ thuật và cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định
số 21/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc sửa đổi,
bổ sung một số điều quy định tại Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày
20/9/2017 của UBND tỉnh Hải Dương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 100/TTr-
QLĐT ngày 20/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây
dựng Chợ dân sinh và Trung tâm thương mại An Lưu (kèm theo hồ sơ quy hoạch
chi tiết xây dựng do Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc và quy hoạch đô thị Hà Nội,
phòng Quản lý đô thị thẩm định) với các nội dung chính như sau:



I. HỒ SƠ

- Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng Chợ dân sinh và Trung tâm thương mại An Lưu.
- Địa điểm: phường An Lưu, thị xã Kinh Môn.
- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thị xã Kinh Môn.
- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc và quy hoạch đô thị Hà Nội.
- Hồ sơ gồm: 20 bản vẽ quy hoạch, Thuyết minh quy hoạch, Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết và các văn bản kèm theo.

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Vị trí, ranh giới, quy mô lập quy hoạch.

- *Vị trí:* Khu đất lập quy hoạch chi tiết xây dựng thuộc phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.
- *Ranh giới:* Phía Bắc giáp sông Kinh Thầy; Phía Đông giáp Khu dân cư Phúc Lâm; Phía Nam giáp Khu dân cư Phúc Lâm và đường Nguyễn Trãi; Phía Tây giáp Công ty cổ phần Lilama và Khu dân cư Phúc Lâm.
- *Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch:* 2,6 ha (26.259,38m²).
- *Tổng diện tích lập quy hoạch:* 2,4 ha (23.993,2 m²).

2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và phân khu chức năng.

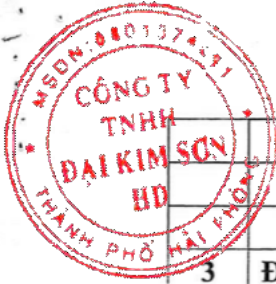
Quy hoạch hình thành Chợ dân sinh và Trung tâm thương mại An Lưu có cơ cấu sử dụng đất, tổ chức cảnh quan phân khu chức năng như sau:

- Khu chợ trung tâm: Nhà chợ chính, ban quản lý chợ, khu để xe, khu hạ tầng kỹ thuật.
- Khu trung tâm thương mại: Quy hoạch 04 khu đất thương mại (TM-01, TM-02, TM-03, TM-04).
- Quy hoạch đất cây xanh, bãi đỗ xe, đất hạ tầng kỹ thuật đảm bảo chỉ tiêu quy hoạch.

3. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích khu đất quy hoạch là 23.993,20 m² được cơ cấu như sau:

ST T	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Tỷ lệ (%)
1	Đất thương mại - Chợ dân sinh		3.887,52				16,20
		TM- CHO	3.887,52	65	2	1,50	
2	Đất thương mại		8.526,98				35,54
		TM-01	1.947,60	80	4	3,20	



		TM-02	1.386,00	80	4	3,20	
		TM-03	3.758,62	80	5	4,00	
		TM-04	1.434,76	80	4	3,20	
3	Đất cây xanh cảnh quan	CX	950,08				3,96
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT	368,69				1,54
5	Đất giao thông và bãi đỗ xe		10.259,93				42,76
-	Đất giao thông		9822,43	-	-	-	40,94
-	Bãi đỗ xe	BDX	437,50	-	-	-	1,82
		BDX-01	125,00	-	-	-	
		BDX-02	87,50	-	-	-	
		BDX-03	225,00	-	-	-	
	TỔNG		23.993,20				100,00

4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

4.1. San nền: San nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế, độ dốc mái nền thiết kế tối thiểu 0,4% đảm bảo thoát nước tự nhiên tại các ô đất xây dựng công trình. Xây dựng hệ thống tường kè bờ sông bảo vệ an toàn các công trình của dự án và xây dựng hệ thống tường chắn dọc ranh giới dự án phía tiếp giáp sông có cao độ đỉnh tường tối thiểu 3,9 m đảm bảo cao độ mực nước thiết kế và đảm bảo an toàn giao thông.

4.2. Giao thông:

a. Đường giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường bộ phố Nguyễn Trãi (đường đô thị ĐĐT 02) có mặt cắt ngang đường rộng 13,5m (mặt cắt A-A), bao gồm mặt đường chính rộng 7,5m kết nối ra đường tỉnh lộ 389.

- Tuyến đường thủy là Sông Kinh Thầy phía bắc Khu đất.

b. Tuyến đường trục chính:

Đoạn đầu nối với đường phố Nguyễn Trãi đường có lộ giới rộng 24,5 m (mặt cắt 1A-1A), bao gồm mặt đường 2 chiều xe rộng 7,5 m mỗi bên, dải phân cách giữa 1,0m, vỉa hè hai bên, một bên rộng 3,5 m, một bên rộng 5,0 m.

Đoạn cuối tuyến đường có lộ giới rộng 23,0 m (mặt cắt 1B-1B), bao gồm mặt đường 2 chiều xe rộng 7,5 m mỗi bên, dải phân cách giữa 1,0m, vỉa hè mỗi bên rộng 3,5 m.

c. Đường giao thông nội bộ:

- Tuyến đường gom của tuyến đường quy hoạch dọc sông có lộ giới rộng 13,5 m (mặt cắt 2-2), bao gồm mặt đường rộng 7,5 m, vỉa hè phía dự án rộng 3,5m, phần đỗ xe phía đường quy hoạch 2,5m.

- Tuyến đường nội bộ có lộ giới rộng 9,0m-12,5m (mặt cắt 3A-3A đến 3C-3C), bao gồm mặt đường rộng 5,5m đến 7,5m, vỉa hè hai bên rộng từ 0m đến 3,5m.





d. Giao thông tĩnh: Quy hoạch 03 điểm đỗ xe tại tuyến đường gom của tuyến đường quy hoạch dọc sông (mặt cắt 2-2).

4.3. *Thoát nước*: Thiết kế thoát nước hoàn trả, thoát nước mưa riêng, thoát nước thải riêng.

- Thoát nước hoàn trả: Xây dựng hệ thống ống cống D1000 dưới mặt đường tuyến trục chính (mặt cắt 1A-1A và 1B-1B) hoàn trả thoát nước từ hệ thống rãnh dọc đường Nguyễn Trãi ra sông Kinh Thầy.

- Thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa đường trục chính nằm ở mép mặt đường đoạn đầu bằng ống cống BTCT D300, rồi thu về ống cống BTCT D600 thoát ra sông bằng ống cống cửa xả BTCT D800. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa các tuyến ở mép đường giao thông bằng cống tròn BTCT D300, D400, D600. Trên mạng lưới thoát nước mưa bố trí các ga thu, ga thăm, khoảng cách các ga theo tiêu chuẩn đảm bảo tiêu thoát nước nhanh chóng và quản lý vận hành về sau.

- Thoát nước thải: Nước thải của các lô đất thương mại và chợ dân sinh được xử lý bằng bể tự hoại trước khi thoát vào rãnh xây B300 thuộc đất hạ tầng sau các dãy nhà thương mại và cống BTCT D300 trên vỉa hè thu về trục chính bằng cống tròn BTCT D400 dọc theo vỉa hè dẫn về trạm xử lý nước thải của dự án. Sau khi nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn thoát ra sông bằng ống HDPE D110.

4.4. *Cấp nước*:

- Nguồn cấp nước lấy từ đường ống chạy dọc đường Nguyễn Trãi của đơn vị kinh doanh nước sạch.

- Đường cấp nước sinh hoạt: Đường ống cấp nước chính bằng ống HDPE D110 chạy dọc các trục đường và cấp về bể phòng cháy. Hệ thống cấp nước đến các lô đất thương mại và chợ dân sinh dùng ống HDPE D50 và HDPE D40 đi ngầm dưới vỉa hè. Các đường ống cấp nước qua đường được bảo vệ bởi ống thép D150.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế độc lập với mạng cấp nước chính. Thiết kế hòng cứu hỏa với khoảng cách giữa các trụ trung bình từ 120 -150m, các trụ đặt gần các ngã 3, ngã 4 để thuận tiện cho công tác lấy nước cứu hỏa; Xây dựng 1 bể ngầm chứa nước có hệ thống máy bơm tự động.

4.5. *Cấp điện*: Nguồn điện cấp cho khu quy hoạch dự kiến được đầu nối từ tuyến điện 35kV phía nhà máy Lilama đi ngầm về trạm biến áp KIOS 35(22)/0,4kV. Hệ thống cấp điện hạ thế cho chợ dân sinh và khu đất thương mại sử dụng cáp đi ngầm trên vỉa hè hoặc đất hạ tầng giữa các lô đất về tủ điện.

4.6. *Chiếu sáng*: Hệ thống chiếu sáng được bố trí trên dải phân cách trục đường chính hoặc trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường nội bộ và các khu khuôn viên cây xanh.

4.7. *Thông tin liên lạc*: Xây dựng các tuyến đường dây thông tin đi trên vỉa hè hoặc trên đất hạ tầng kỹ thuật giữa lô đất.



4.8. Vệ sinh môi trường: Chất thải rắn từ các khu vực công cộng được xây dựng hệ thống thu gom rác riêng cho từng đơn nguyên, thùng rác thu gom đặt khu vực cây xanh để thu gom rác. Sau đó rác được thu gom, phân loại trước khi chuyển về điểm xử lý rác thải tập trung của thị xã Kinh Môn.

III. HỒ SƠ, SẢN PHẨM

1. Phần bản vẽ

TT	Ký hiệu	Tên sản phẩm	Tỷ lệ
1	QH-01	Sơ đồ vị trí và ranh giới quy hoạch	
2	QH-02	Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội và đánh giá đất xây dựng	1/500
3	QH-03	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường	1/500
4	QH-04	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất	1/500
5	QH-05	Bản đồ quy hoạch chia lô	1/500
6	QH-06	Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan	1/500
7	QH-07A	Thiết kế đô thị - chiều cao xây dựng công trình	FIT
8	QH-07B	Thiết kế đô thị - khoảng lùi xây dựng công trình	FIT
9	QH-07C	Thiết kế đô thị - kiến trúc điển hình	FIT
10	QH-07D	Thiết kế đô thị - cây xanh và không gian mở	FIT
11	QH-07E	Thiết kế đô thị - phối cảnh minh họa	FIT
12	QH-08	Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các công trình HTKT	1/500
13	QH-09	Bản đồ quy hoạch mạng lưới giao thông	1/500
14	QH-10	Bản đồ quy hoạch san nền	1/500
15	QH-11	Bản đồ quy hoạch mạng lưới thoát nước mưa	1/500
16	QH-12	Bản đồ quy hoạch mạng lưới cấp nước sinh hoạt và PCCC	1/500
17	QH-13	Bản đồ quy hoạch mạng lưới cấp điện và chiếu sáng	1/500
18	QH-14	Bản đồ quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc	1/500
19	QH-15	Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và VSMT	1/500
20	QH16	Bản tổng hợp kỹ thuật đường dây đường ống	1/500

2. Phần văn bản

- Thuyết minh, các văn bản pháp lý có liên quan.
- Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch.

(Nội dung quy hoạch và các chỉ tiêu chi tiết thể hiện tại hồ sơ thuyết minh và bản vẽ quy hoạch chi tiết kèm theo)



IV. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG THEO ĐỒ ÁN

Nội dung chi tiết tại Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng Chợ dân sinh và Trung tâm thương mại An Lưu do Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc và quy hoạch đô thị Hà Nội lập kèm theo.

Điều 2. Giao Phòng Quản lý đô thị chủ trì, phối hợp với UBND phường An Lưu và các đơn vị có liên quan tổ chức công bố quy hoạch được duyệt theo quy định; thực hiện cắm mốc, cắm mốc quy hoạch theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thị xã, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Quản lý đô thị, Kinh tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Kinh Môn; Chủ tịch UBND phường An Lưu và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND thị xã;
- Lưu: VT.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
TRƯƠNG ĐỨC SAN



ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN

Số: 211/QĐ-XPHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kinh Môn, ngày 27 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số: 02/BB-VPHC lập ngày 20/12/2023;

Căn cứ Quyết định số: 1556/QĐ-GQXP ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND thị xã Kinh Môn về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Tên của tổ chức: Công ty TNHH Đức Dương.

Địa chỉ trụ sở chính: số 259 đường Minh Tân, Khu Bích Nhôi 1, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/dăng ký hoạt động: 0800263544, đăng ký lần đầu ngày 28/06/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 25/05/2023; nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức Tâm Giới tính: Nam.

Chức danh: Tổng giám đốc.

Số căn cước công dân: 030063007143; cấp ngày 17/8/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải cấp giấy phép xây dựng mới đối với xây dựng công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Cụ thể: Công ty TNHH Đức Dương tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng trên phần diện tích đất quy hoạch xây dựng dự án Chợ dân sinh và Trung tâm thương mại An Lưu: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (bao gồm san nền, cống, đường giao thông, bãi đỗ xe, cấp nước, PCCC (đã



thiết (bao gồm san nền, cống, đường giao thông, bãi đỗ xe, cấp nước, PCCC (đã ép xong móng BTCT), thoát nước thải, bể xử lý nước thải (đã ép xong móng BTCT); hệ thống điện chiếu sáng, lắp đặt ống chờ điện hạ thế); khối nhà Ban quản lý 02 tầng (diện tích xây dựng 67,0 m²) và nhà vệ sinh công cộng (diện tích xây dựng 22,36 m²) tại vị trí quy hoạch đất thương mại - Chợ dân sinh (ký hiệu TM-CHO); xây dựng khối nhà thương mại, chiều cao tầng là 03 tầng và 01 tum và phần móng nhà tại vị trí quy hoạch lô thương mại (ký hiệu TM-01); xây dựng phần móng và một phần nền bê tông tại vị trí quy hoạch lô thương mại (ký hiệu TM-03); xây dựng khối nhà thương mại, chiều cao tầng là 03 tầng và 01 tum và phần móng nhà tại vị trí quy hoạch lô thương mại (ký hiệu TM-04).

3. Quy định tại điểm c khoản 7 Điều 16 Nghị định 16/2022/NĐ-CP, ngày 28/01/2022 của Chính phủ.

4. Các tình tiết tăng nặng: không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

- Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm xây dựng không phép hạng mục hạ tầng kỹ thuật: 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

- Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm xây dựng không phép hạng mục nhà Ban quản lý 02 tầng và nhà vệ sinh công cộng (tại vị trí quy hoạch ký hiệu TM-CHO): 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

- Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm xây dựng không phép hạng mục xây dựng khối nhà thương mại và phần móng nhà (tại vị trí quy hoạch ký hiệu TM-01): 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

- Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm xây dựng không phép hạng mục xây dựng phần móng và một phần nền bê tông (tại vị trí quy hoạch ký hiệu TM-03): 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

- Mức phạt tiền hành vi vi phạm không phép đối với hạng mục xây dựng khối nhà thương mại và phần móng nhà (tại vị trí quy hoạch ký hiệu TM-04): 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

Tổng số tiền phạt đối với các hành vi trên: 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu) đồng.

b) Hình thức phạt bổ sung: không.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: không.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Nguyễn Đức Tâm là người đại diện của tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.



Công ty TNHH Đức Dương có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty TNHH Đức Dương không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

a) Công ty TNHH Đức Dương bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Dương (được Kho bạc nhà nước Kinh Môn ủy nhiệm thu tiền phạt) vào tài khoản số: 7111, chương 605, mã địa bàn 292, cơ quan thu 1054154 trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này và nộp biên lai nộp phạt về UBND thị xã (qua Phòng Quản lý đô thị).

Hoặc Công ty TNHH Đức Dương bị xử phạt có tên tại Điều 1 nộp tiền phạt tại chỗ cho người đã ra quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

b) Công ty TNHH Đức Dương có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc nhà nước Kinh Môn để thu tiền phạt.
3. Gửi cho Phòng Quản lý đô thị để tổ chức thực hiện.
4. Gửi cho UBND phường An Lưu để biết và phối hợp thực hiện./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng Tư pháp (để theo dõi);
- Lưu: Hồ sơ.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Cường





Quyết định đã giao trực tiếp cho người đại diện của tổ chức bị xử phạt vào
hội.....giờphút, ngày/...../2023.

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ và tên)





UBND THỊ XÃ KINH MÔN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /BB-VPHC

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH
Về trật tự xây dựng

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 20/12/2023 tại Khu đất quy hoạch xây dựng Chợ dân sinh và Trung tâm thương mại An Lưu, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh Hải Dương tại Văn bản số 4710/UBND-VP ngày 11/12/2023; Biên bản làm việc ngày 19/12/2023 của phòng Quản lý đô thị về kiểm tra hiện trạng các công trình hiện có trong khu đất quy hoạch dự án xây dựng Chợ dân sinh và Trung tâm thương mại An Lưu, phường An Lưu

Chúng tôi gồm:

1. Người có thẩm quyền lập biên bản:

Họ và tên: Ông Trần Văn Tuyên, Chức vụ: Phó Trưởng phòng.

Cơ quan: Phòng Quản lý đô thị thị xã Kinh Môn.

2. Với sự chứng kiến của:

Bà: Bùi Thị Ngọc, Nghề nghiệp: Công chức Địa chính phường An Lưu.

Địa chỉ: UBND phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Công ty TNHH Đức Dương:

Địa chỉ trụ sở chính: Số 259 đường Minh Tân, Khu Bích Nhôi 1, Phường Minh Tân, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.

Mã số doanh nghiệp: 0800263544

Số GCN đăng ký doanh nghiệp: 0800263544; đăng ký lần đầu ngày 28/06/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 25/05/2023; nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Tâm.

Giới tính: Nam.

Chức danh: Tổng giám đốc.



Sinh ngày 27/04/1963; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam.

Số căn cước công dân: 030063007143; cấp ngày 17/08/2022; Do Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp.

2. Đã có các hành vi vi phạm hành chính:

Công ty TNHH Đức Dương đã vi phạm quy định về trật tự xây dựng: tổ chức thi công xây dựng các công trình: hạ tầng kỹ thuật; Nhà quản lý dự án 02 tầng và Nhà vệ sinh công cộng; 01 khối công trình trên lô đất quy hoạch thương mại TM-01; 01 khối công trình trên lô đất quy hoạch thương mại TM-3; 01 khối công trình trên lô đất quy hoạch thương mại TM-04 trong khu đất quy hoạch xây dựng Dự án Chợ dân sinh và Trung tâm thương mại An Lưu (được UBND thị xã Kinh Môn phê duyệt tại Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 20/10/2021), không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải cấp giấy phép xây dựng mới đối với xây dựng công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Về hiện trạng và diện tích xây dựng của công trình vi phạm trật tự xây dựng theo Biên bản kiểm tra ngày 19/12/2023 giữa phòng Quản lý đô thị, UBND phường An Lưu và Công ty TNHH Đức Dương. Cụ thể:

- Đã xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật (bao gồm): san nền, cống, đường giao thông, bãi đỗ xe, cấp nước, PCCC (đã ép xong móng BTCT), thoát nước thải, bể xử lý nước thải (đã ép xong móng BTCT); hệ thống điện chiếu sáng, lắp đặt ống chờ điện hạ thế.

- Đã xây dựng hoàn thiện nhà Ban quản lý 02 tầng (diện tích xây dựng 67,0 m²) và Nhà vệ sinh công cộng (diện tích 22,36 m²) tại vị trí quy hoạch đất thương mại - Chợ dân sinh, ký hiệu TM-CHO (diện tích quy hoạch là 3.887,52 m²).

- Đã xây dựng hoàn thiện phần thô khối công trình thương mại (với chiều cao tầng là 03 tầng và 01 tum, trát hoàn thiện ngoài nhà), diện tích 308,64 m²; diện tích còn lại đã thi công xong phần móng trên vị trí quy hoạch lô thương mại TM-01 (diện tích quy hoạch lô đất là 1.947,6 m²).

- Đã thi công xong phần móng (toàn bộ diện tích) và phần nền BT với diện tích 623,7 m² tại vị trí quy hoạch ký hiệu lô thương mại TM-03 (diện tích quy hoạch là 3.758,62 m²).

- Đã xây dựng hoàn thiện phần thô (với chiều cao tầng là 03 tầng và 01 tum, với diện tích 808,31 m²; diện tích còn lại thi công xong phần móng tại vị trí quy hoạch ký hiệu lô thương mại TM-04 (diện tích quy hoạch là 1.434,75 m²).



3. Quy định tại: Điểm c Khoản 7 Điều 16 Nghị định 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng.

4. <Cá nhân/tổ chức> bị thiệt hại (nếu có): không.

5. Ý kiến trình bày của tổ chức vi phạm: đồng ý lỗi vi phạm lập trong biên bản.

6. Ý kiến trình bày của đại diện chính quyền, người chứng kiến (nếu có): Đồng ý với lỗi vi phạm đã lập trong biên bản.

7. Ý kiến trình bày của <cá nhân/tổ chức> bị thiệt hại (nếu có): không.

8. Chúng tôi đã yêu cầu Công ty TNHH Đức Dương chấm dứt ngay mọi hoạt động vi phạm trật tự xây dựng.

9. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được áp dụng: chưa.

10. Quyền giải trình: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản này, ông Nguyễn Đức Tâm là người đại diện của tổ chức vi phạm có quyền gửi văn bản giải trình đến Chủ tịch UBND thị xã Kinh Môn để thực hiện quyền giải trình; trường hợp yêu cầu được giải trình trực tiếp thì ông Nguyễn Đức Tâm phải có văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản này để thực hiện quyền giải trình.

11. Yêu cầu ông Nguyễn Đức Tâm là người đại diện của tổ chức vi phạm có mặt vào hồi 8 giờ 00 phút, ngày 26/12/2023, tại trụ sở UBND thị xã Kinh Môn để giải quyết vụ việc.

Biên bản lập xong hồi 10 giờ 00 phút, ngày 20/12/2023, gồm 03 tờ, được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho ông Nguyễn Đức Tâm là người đại diện của tổ chức vi phạm 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA
TỔ CHỨC VI PHẠM**

(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

Nguyễn Đức Tâm

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

Trần Văn Tuấn

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Bùi Thị Ngọc



Biên bản đã giao trực tiếp cho ông Nguyễn Đức Tâm là người đại diện của
tổ chức vi phạm vào hồi giờ phút, ngày/12/2023./.

NGƯỜI NHẬN BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Đức Tâm



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN**

Số: 211/QĐ-XPHC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kinh Môn, ngày 27 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số: 02/BB-VPHC lập ngày 20/12/2023;

Căn cứ Quyết định số: 1556/QĐ-GQXP ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND thị xã Kinh Môn về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Tên của tổ chức: Công ty TNHH Đức Dương.

Địa chỉ trụ sở chính: số 259 đường Minh Tân, Khu Bích Nhôi 1, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động: 0800263544, đăng ký lần đầu ngày 28/06/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 25/05/2023; nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức Tâm Giới tính: Nam.

Chức danh: Tổng giám đốc.

Số căn cước công dân: 030063007143; cấp ngày 17/8/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải cấp giấy phép xây dựng mới đối với xây dựng công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Cụ thể: Công ty TNHH Đức Dương tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng trên phần diện tích đất quy hoạch xây dựng dự án Chợ dân sinh và Trung tâm thương mại An Lưu: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (bao gồm san nền, cống, đường giao thông, bãi đỗ xe, cấp nước, PCCC (đã



thuật (bao gồm san nền, cống, đường giao thông, bãi đỗ xe, cấp nước, PCCC (đã ép xong móng BTCT), thoát nước thải, bể xử lý nước thải (đã ép xong móng BTCT); hệ thống điện chiếu sáng, lắp đặt ống chờ điện hạ thế); khối nhà Ban quản lý 02 tầng (diện tích xây dựng 67,0 m²) và nhà vệ sinh công cộng (diện tích xây dựng 22,36 m²) tại vị trí quy hoạch đất thương mại - Chợ dân sinh (ký hiệu TM-CHO); xây dựng khối nhà thương mại, chiều cao tầng là 03 tầng và 01 tum và phần móng nhà tại vị trí quy hoạch lô thương mại (ký hiệu TM-01); xây dựng phần móng và một phần nền bê tông tại vị trí quy hoạch lô thương mại (ký hiệu TM-03); xây dựng khối nhà thương mại, chiều cao tầng là 03 tầng và 01 tum và phần móng nhà tại vị trí quy hoạch lô thương mại (ký hiệu TM-04).

3. Quy định tại điểm c khoản 7 Điều 16 Nghị định 16/2022/NĐ-CP, ngày 28/01/2022 của Chính phủ.

4. Các tình tiết tăng nặng: không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

- Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm xây dựng không phép hạng mục hạ tầng kỹ thuật: 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

- Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm xây dựng không phép hạng mục nhà Ban quản lý 02 tầng và nhà vệ sinh công cộng (tại vị trí quy hoạch ký hiệu TM-CHO): 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

- Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm xây dựng không phép hạng mục xây dựng khối nhà thương mại và phần móng nhà (tại vị trí quy hoạch ký hiệu TM-01): 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

- Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm xây dựng không phép hạng mục xây dựng phần móng và một phần nền bê tông (tại vị trí quy hoạch ký hiệu TM-03): 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

- Mức phạt tiền hành vi vi phạm không phép đối với hạng mục xây dựng khối nhà thương mại và phần móng nhà (tại vị trí quy hoạch ký hiệu TM-04): 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

Tổng số tiền phạt đối với các hành vi trên: 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu) đồng.

b) Hình thức phạt bổ sung: không.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: không.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Nguyễn Đức Tâm là người đại diện của tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.



Công ty TNHH Đức Dương có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty TNHH Đức Dương không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

a) Công ty TNHH Đức Dương bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Dương (được Kho bạc nhà nước Kinh Môn ủy nhiệm thu tiền phạt) vào tài khoản số: 7111, chương 605, mã địa bàn 292, cơ quan thu 1054154 trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này và nộp biên lai nộp phạt về UBND thị xã (qua Phòng Quản lý đô thị).

Hoặc Công ty TNHH Đức Dương bị xử phạt có tên tại Điều 1 nộp tiền phạt tại chỗ cho người đã ra quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

b) Công ty TNHH Đức Dương có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc nhà nước Kinh Môn để thu tiền phạt.
3. Gửi cho Phòng Quản lý đô thị để tổ chức thực hiện.
4. Gửi cho UBND phường An Lưu để biết và phối hợp thực hiện./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng Tư pháp (để theo dõi);
- Lưu: Hồ sơ.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Cường



Quyết định đã giao trực tiếp cho người đại diện của tổ chức bị xử phạt vào
hội.....giờ.....phút, ngày/...../2023.

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ và tên)





ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER

Ngày/Date: 08/10/2024

Tên tài khoản trích nợ/Dr A/C name: Công ty TNHH Đức Dương

Địa chỉ/Address: Minh Tân – Kinh Môn – Hải Dương

Số tài khoản trích nợ/Dr A/C No: 4620000681

Tại Ngân hàng/At Bank: BIDV Hải Dương – Pgd Hoàng Thạch

Số tiền bằng số/Amount in figures: 650.000.000đ

Số tiền bằng chữ/Amount in words: Sáu trăm năm mươi triệu đồng

Đề nghị quy đổi ra/Request for changing into:

Tỷ giá/Ex rate:

☐ Phí trong sổ tiền chuyển/Deduct

☐ Phí thu từ tiền mặt/Fee in cash

☐ Phí thu từ tài khoản/Fee collected from A/C:

Người hưởng/Beneficiary: Chi cục thuế huyện Kinh Môn

Số CCCD/HC/ID No:

Ngày cấp/Date:

Nơi cấp/Place:

Địa chỉ/Address:

Số tài khoản/Ben's A/C No: 7/11

Tại Ngân hàng/At Bank: Kho bạc nhà nước huyện Kinh Môn

Nội dung/Remarks: NST 0800263544 nộp trên VPHC về việc T/C thị công XDCT không có GPXD trên phần diện tích đất quy hoạch XDPA cho An ninh theo chứng BCĐ, trừ mức 4299, MĐB 192 theo QĐ số 211/QĐ-XP/K ngày 27/12/2023

Khách hàng xác nhận các thông tin trên là chính xác/Please sign to confirm the above information is accurate

Kế toán trưởng

Chief Accountant

(Ký và ghi rõ họ tên/Signature & full name)

1m Xưa Khưa

Chủ tài khoản

Account holder

(Ký và ghi rõ họ tên/Signature & full name)

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Bắc

Giao dịch viên

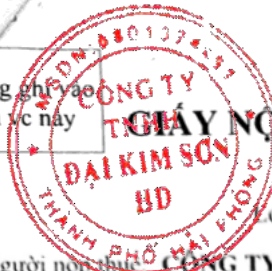
Teller

Kiểm soát viên

Supervisor



không ghi vào
khu vực này



GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒
Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH ĐỨC DƯƠNG

Địa chỉ: Số 259 đường Minh Tân, khu Bích Nhôi 1, Phường Minh Tân

Quận/Huyện:

Tỉnh, TP:

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/KBNN: NHTMCP DT & PTVN - CN HAI DUONG PGD HOANG THACH trích TK số: 46210000000681

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo: TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

vào tài khoản của KBNN: KBNN Kinh Môn - Hai Duong

Tỉnh, tp:

Mở tại NHTM ủy nhiệm thu: NHTMCP DT VA PTVN-CN BAC HAI DUONG

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐

Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra chính phủ ☐

Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Tên cơ quan quản lý thu: Huyện Kinh Môn - Chi cục Thuế khu vực Kim Môn

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/NH phối hợp thu/KBNN ghi		
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo/ Mã định danh hồ sơ (ID)	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT (TM)	Mã ĐBHC
1	211/QĐ-XPHC	27/12/2023	Phạt vi phạm khác, XPVPHC TO CHUC THI CONG XDCT KHONG CO GIAY PHEP XAY DUNG	650,000,000	650,000,000	605	4299	292HH
Tổng cộng				650,000,000	650,000,000			

Tổng số tiền ghi bằng chữ Sáu trăm năm mươi triệu đồng.

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		Nợ TK: 1155
Mã CQ thu: 1054154		Có TK: 7111
PHẦN NGÂN HÀNG GHI		Nợ TK: 46210000000681
Ngày nộp thuế: 08/01/2024		Có TK: 46110000416768
Số tiền nộp thuế: 650,000,000		Phí: 0
Tổng tiền ghi nợ: 650,000,000		VAT: 0

NGƯỜI NỘP TIỀN

Ngày 08 tháng 01 năm 2024

Người nộp tiền Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị

NHTMCP DT & PTVN - CN HAI DUONG PGD HOANG THACH

Ngày 08 tháng 01 năm 2024

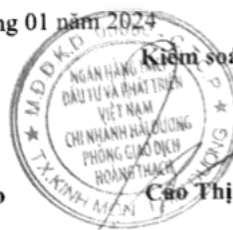
Thủ quỹ

Giao dịch viên

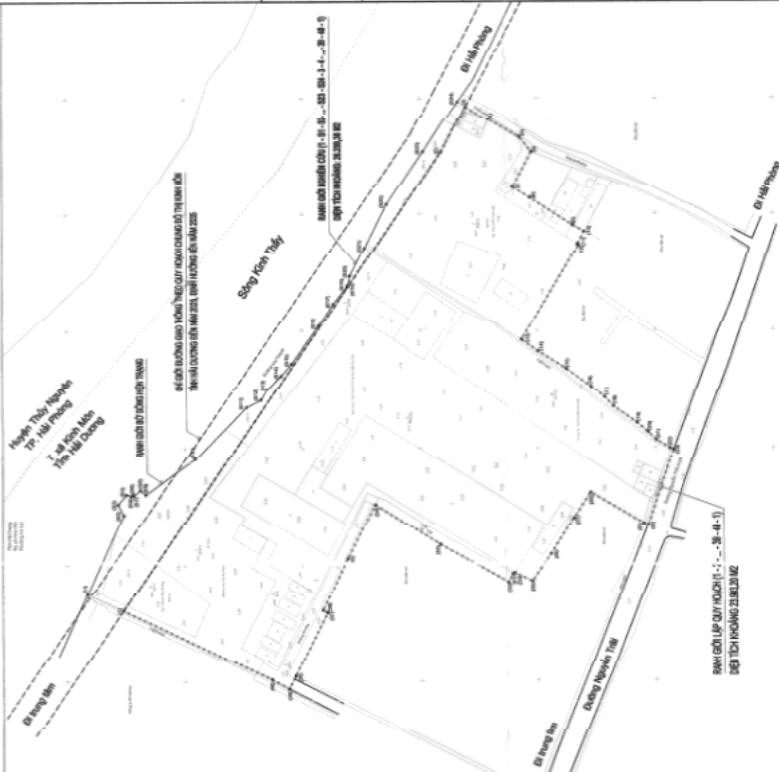
Kiểm soát viên

Trần Bích Thảo

Cao Thị Ngân



RANH GIỚI QUY HOẠCH



BẢNG KẾ TOA BỐ					BẢNG KẾ TOA BỐ MỆP SÔNG				
ST	ST địa điểm	X (m)	Y (m)	S (m)	Tên địa	X (m)	Y (m)	S (m)	
1	2521418.22	60700.17	23	2321462.39	60948.17	6.72	232214.41	60971.47	5.17
2	2521418.22	60700.17	23	2321462.39	60948.17	1.68	2322125.63	60981.62	3.92
3	2521460.33	60906.77	24	2321903.24	60916.66	34.31	2322128.38	60958.14	5.41
4	2521903.24	60906.77	24	2321903.24	60916.66	26.97	2322122.77	60958.14	2.08
5	2521957.39	60952.71	1.68	2321927.88	60930.60	12.56	2322121.54	60950.19	1.07
6	2521957.39	60952.71	1.68	2321927.88	60930.60	12.56	2322121.54	60950.19	1.07
7	2521957.39	60952.71	1.68	2321927.88	60930.60	12.56	2322121.54	60950.19	1.07
8	2521957.39	60952.71	1.68	2321927.88	60930.60	12.56	2322121.54	60950.19	1.07
9	2521957.39	60952.71	1.68	2321927.88	60930.60	12.56	2322121.54	60950.19	1.07
10	2521957.39	60952.71	1.68	2321927.88	60930.60	12.56	2322121.54	60950.19	1.07
11	2521957.39	60952.71	1.68	2321927.88	60930.60	12.56	2322121.54	60950.19	1.07
12	2521957.39	60952.71	1.68	2321927.88	60930.60	12.56	2322121.54	60950.19	1.07
13	2521957.39	60952.71	1.68	2321927.88	60930.60	12.56	2322121.54	60950.19	1.07
14	2521957.39	60952.71	1.68	2321927.88	60930.60	12.56	2322121.54	60950.19	1.07
15	2521957.39	60952.71	1.68	2321927.88	60930.60	12.56	2322121.54	60950.19	1.07
16	2521957.39	60952.71	1.68	2321927.88	60930.60	12.56	2322121.54	60950.19	1.07
17	2521957.39	60952.71	1.68	2321927.88	60930.60	12.56	2322121.54	60950.19	1.07
18	2521957.39	60952.71	1.68	2321927.88	60930.60	12.56	2322121.54	60950.19	1.07
19	2521957.39	60952.71	1.68	2321927.88	60930.60	12.56	2322121.54	60950.19	1.07
20	2521957.39	60952.71	1.68	2321927.88	60930.60	12.56	2322121.54	60950.19	1.07
21	2521957.39	60952.71	1.68	2321927.88	60930.60	12.56	2322121.54	60950.19	1.07

SƠ ĐỒ Y TƯ VÀ RANH GIỚI QUY HOẠCH		4/2/2014	
BẢN VẼ	CHẾP X 1 X 1	TIẾP HỢT	
TÊN HIỆN	KTS. HOANG GIA KHÔI		
TÊN KẾ	KTS. LUY THỊ HIỀN		
CHỖ THI THIẾT KẾ	KTS. LUY THỊ HIỀN		
CƠ SỞ NHẬN KẾ	THI KTS. THAM HOÀNG ĐỨC		
QL. KẾ THUẬT	TS. KTS. L. XUÂN HÙNG		
GHAM ĐỌC:			



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH BỐ THÀ NỘI
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH BỐ THÀ NỘI
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH BỐ THÀ NỘI

GHI CHÙ:

ĐIỂM CỘNG ĐỒNG, HỒN HỢP

As a teacher of mathematics, I want

DATE

ĐẤT DI TÍCH TÔN GIÁO

for the month

Researcher's Name

WHAT CAN YOU DO, COMING FROM THE CHINA WAY THE

ĐẶT THẺ ĐƯỢC THÌ THAO VỚI CHƠI

1000

no words

WAS L'UN L'UN L'UN L'UN

ĐC (S'ING, SUCK, AQ, HỒ)

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ DÂN SINH VÀ TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI AN LƯU

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG KIẾN TRÚC CẢNH QUAN, HẠ TẦNG XÃ HỘI VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẤT XÂY DỰNG



Điểm	X (m)	Y (m)	Đ (m)
1	2102144.46	608597.42	3.7
2	2102144.46	608597.42	3.7
3	2102144.46	608597.42	3.7
4	2102144.46	608597.42	3.7
5	2102144.46	608597.42	3.7
6	2102144.46	608597.42	3.7
7	2102144.46	608597.42	3.7
8	2102144.46	608597.42	3.7
9	2102144.46	608597.42	3.7
10	2102144.46	608597.42	3.7
11	2102144.46	608597.42	3.7
12	2102144.46	608597.42	3.7
13	2102144.46	608597.42	3.7
14	2102144.46	608597.42	3.7
15	2102144.46	608597.42	3.7
16	2102144.46	608597.42	3.7
17	2102144.46	608597.42	3.7
18	2102144.46	608597.42	3.7
19	2102144.46	608597.42	3.7
20	2102144.46	608597.42	3.7
21	2102144.46	608597.42	3.7
22	2102144.46	608597.42	3.7
23	2102144.46	608597.42	3.7
24	2102144.46	608597.42	3.7
25	2102144.46	608597.42	3.7
26	2102144.46	608597.42	3.7
27	2102144.46	608597.42	3.7
28	2102144.46	608597.42	3.7
29	2102144.46	608597.42	3.7
30	2102144.46	608597.42	3.7

BẢNG KẾ TOA O				
Điểm khảo sát	X (m)	Y (m)	Z (m)	S (m)
1	2325213.2	6057613.1	738.21	
2	2325198.2	6057613.1	22.54	
3	2325194.2	6057613.1	11.24	
4	2325190.2	6057613.1	19.41	
5	2325186.2	6057613.1	17.15	
6	2325182.3	6057614.1	17.15	
7	2325178.3	6057614.1	8.63	
8	2325174.3	6057614.1	21.43	
9	2325170.3	6057615.2	21.43	
10	2325166.3	6057615.2	0.75	
11	2325162.3	6057615.2	49.88	
12	2325158.3	6057615.2	14.11	
13	2325154.3	6057615.2	13.11	
14	2325150.3	6057615.2	7.48	
15	2325146.3	6057615.2	13.18	
16	2325142.3	6057615.2	4.38	
17	2325138.3	6057615.2	1.58	
18	2325134.3	6057615.2	34.31	
19	2325130.3	6057615.2	3.07	
20	2325126.3	6057615.2	25.97	
21	2325122.3	6057615.2	15.38	
22	2325118.3	6057615.2	15.38	
23	2325114.3	6057615.2	13.67	
24	2325110.3	6057615.2	6.31	
25	2325106.3	6057615.2	3.18	
26	2325102.3	6057615.2	3.18	
27	2325098.3	6057615.2	33.38	
28	2325094.3	6057615.2	33.38	
29	2325090.3	6057615.2	33.38	
30	2325086.3	6057615.2	33.38	
31	2325082.3	6057615.2	33.38	
32	2325078.3	6057615.2	33.38	
33	2325074.3	6057615.2	33.38	
34	2325070.3	6057615.2	33.38	
35	2325066.3	6057615.2	33.38	
36	2325062.3	6057615.2	33.38	
37	2325058.3	6057615.2	33.38	
38	2325054.3	6057615.2	33.38	
39	2325050.3	6057615.2	33.38	
40	2325046.3	6057615.2	33.38	
41	2325042.3	6057615.2	33.38	
42	2325038.3	6057615.2	33.38	
43	2325034.3	6057615.2	33.38	
44	2325030.3	6057615.2	33.38	
45	2325026.3	6057615.2	33.38	
46	2325022.3	6057615.2	33.38	
47	2325018.3	6057615.2	33.38	
48	2325014.3	6057615.2	33.38	
49	2325010.3	6057615.2	33.38	
50	2325006.3	6057615.2	33.38	
51	2325002.3	6057615.2	33.38	
52	2324998.3	6057615.2	33.38	
53	2324994.3	6057615.2	33.38	
54	2324990.3	6057615.2	33.38	
55	2324986.3	6057615.2	33.38	
56	2324982.3	6057615.2	33.38	
57	2324978.3	6057615.2	33.38	
58	2324974.3	6057615.2	33.38	
59	2324970.3	6057615.2	33.38	
60	2324966.3	6057615.2	33.38	
61	2324962.3	6057615.2	33.38	
62	2324958.3	6057615.2	33.38	
63	2324954.3	6057615.2	33.38	
64	2324950.3	6057615.2	33.38	
65	2324946.3	6057615.2	33.38	
66	2324942.3	6057615.2	33.38	
67	2324938.3	6057615.2	33.38	
68	2324934.3	6057615.2	33.38	
69	2324930.3	6057615.2	33.38	
70	2324926.3	6057615.2	33.38	
71	2324922.3	6057615.2	33.38	
72	2324918.3	6057615.2	33.38	
73	2324914.3	6057615.2	33.38	
74	2324910.3	6057615.2	33.38	
75	2324906.3	6057615.2	33.38	
76	2324902.3	6057615.2	33.38	
77	2324898.3	6057615.2	33.38	
78	2324894.3	6057615.2	33.38	
79	2324890.3	6057615.2	33.38	
80	2324886.3	6057615.2	33.38	
81	2324882.3	6057615.2	33.38	
82	2324878.3	6057615.2	33.38	
83	2324874.3	6057615.2	33.38	
84	2324870.3	6057615.2	33.38	
85	2324866.3	6057615.2	33.38	
86	2324862.3	6057615.2	33.38	
87	2324858.3	6057615.2	33.38	
88	2324854.3	6057615.2	33.38	
89	2324850.3	6057615.2	33.38	
90	2324846.3	6057615.2	33.38	
91	2324842.3	6057615.2	33.38	
92	2324838.3	6057615.2	33.38	
93	2324834.3	6057615.2	33.38	
94	2324830.3	6057615.2	33.38	
95	2324826.3	6057615.2	33.38	
96	2324822.3	6057615.2	33.38	
97	2324818.3	6057615.2	33.38	
98	2324814.3	6057615.2	33.38	
99	2324810.3	6057615.2	33.38	
100	2324806.3	6057615.2	33.38	

BẢNG TỔNG HỢP ĐẤT HIỆN TRẠNG		
STT	LOẠI ĐẤT	Diện tích (m ²) Tỷ lệ (%)
1.1	Đất ở đô thị	828,80 3,40%
1.2		728,40
2	Đất công nghiệp	98,40
2.1	Nhà máy sản xuất bột tổng chu Ua Burwitz	2.542,50 89,79%
2.2	Công ty thương mại KY Anh	2.793,30
2.3	Công ty TNHH Minh Thắng	551,00
2.4	Hộ ông Trần Văn Cửu	1.510,90
2.5	Hợp tác xã vôi An Thành	2.143,50
3	Đất thủy lợi	261,90 1,00%
4	Đất giao thông	724,30 3,02%
4.1		640,70
4.2		64,70
4.3		9,90
5	Đất trồng trọt cây hàng năm	637,70 2,66%
	Tổng diện tích khu đất nghiên cứu	28.993,20 100,00%

CC QUAN PHÉ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN

CHỖ TỌA

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 346/2000/QĐ-UB

CC QUAN THAM DINH
PHONG QUAN LY DO THI

PHÒNG QUẢN LÝ
ĐOCUMENT



KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ .../... TTR-QLC

CC QUAN THOA THUAN:
PHONG TAI NGUYEN VA MOI TRUONG

— — — — —

1

CHỖ ĐAU TƯ:
 ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN



ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN LUYỆN



signs and symptoms

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG C
TRUNG TÂM THƯƠNG

PHƯỜNG AN LUY, THỊ XÃ KHEMÔN, TỈNH H

TÊN BÀN VÉ:

BAN ĐC HIỆN TRẠNG KIẾN
HA TĂNG XÃ HỘI VÀ ĐÁNH

BUN VÉ: QH-02	GHÉP: A X 1	TỶ
---------------	---------------	----

THỂ HIỆN	KTS. HOÀNG GIA KHÔI
----------	---------------------

THẾT KẾ	KTS. LƯU THẾ KIỆM
---------	-------------------

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THS.KTS. THẨM NGỌ
------------------	-------------------

CHỨC NHIỆM ĐÓNG	THS. KTB. THẨM NGỌ
-----------------	--------------------

QL KỸ THUẬT	TS.KTS. LÊ XUÂN HÒA
-------------	---------------------

GIAM ĐỐC:

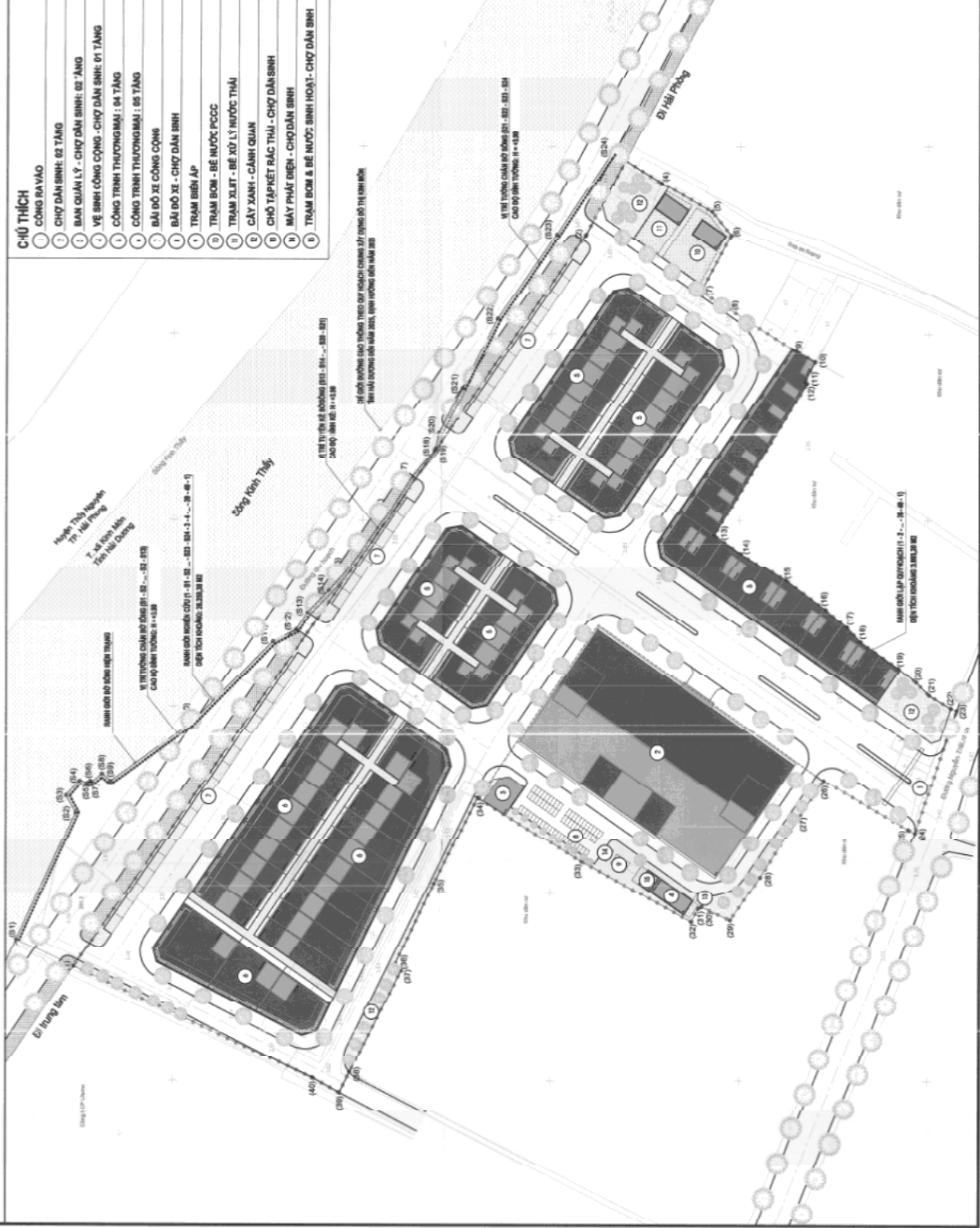
THE NEW YORK PUBLIC LIBRARY
ASTOR LENOX TILDEN FOUNDATION
100 N. 5TH ST. NEW YORK, N.Y. 10017

THE KTS: THAM NGON

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC V

Đã để số nhà 22, ngà 40/Chín Bón. Phường Trưng Liệt. Quận Đống Đa.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN



GHI CHÚ

- 1. HẠNH CÔNG NGHỆ (1:50 - 1:100 - 1:200 - 1:300 - 1:400 - 1:500 - 1:600 - 1:700 - 1:800 - 1:900 - 1:1000)
- 2. HẠNH CÔNG NGHỆ (1:50 - 1:100 - 1:200 - 1:300 - 1:400 - 1:500 - 1:600 - 1:700 - 1:800 - 1:900 - 1:1000)
- 3. HẠNH CÔNG NGHỆ (1:50 - 1:100 - 1:200 - 1:300 - 1:400 - 1:500 - 1:600 - 1:700 - 1:800 - 1:900 - 1:1000)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN

TRƯỞNG ĐỐC SÂN

KẾM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 36/ QĐ-UBND NGÀY 10 THÁNG 01 NĂM 2021

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

NGUYỄN VĂN HƯNG

KẾM THEO TỜ TRÌNH SỐ 155/ TT-CLT NGÀY 10 THÁNG 01 NĂM 2021

CC QUAN THỎA THUẬN

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN VĂN HƯNG

CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN

NGUYỄN VĂN HƯNG

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN LƯU

LE VĂN ĐIỀN

CÔNG TRÌNH - BÀN KIỂM

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ DÂN SINH VÀ

TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI AN LƯU

PHƯỜNG AN LƯU, THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HÀI DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

BẢN VẼ: 01/08

CHẾP: A X 1

TỶ LỆ: 1/500

ACU/Lech

THẺ HIỆN

KTS. HỒNG GIA HỒI

THIỆT KẾ

KTS. LUY THỊ KIỂM

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

THỊ KTS. THAM MUỐC BỨC

CHỦ NHÌM ĐÓNG

THỊ KTS. THAM MUỐC BỨC

Q. KỸ THUẬT

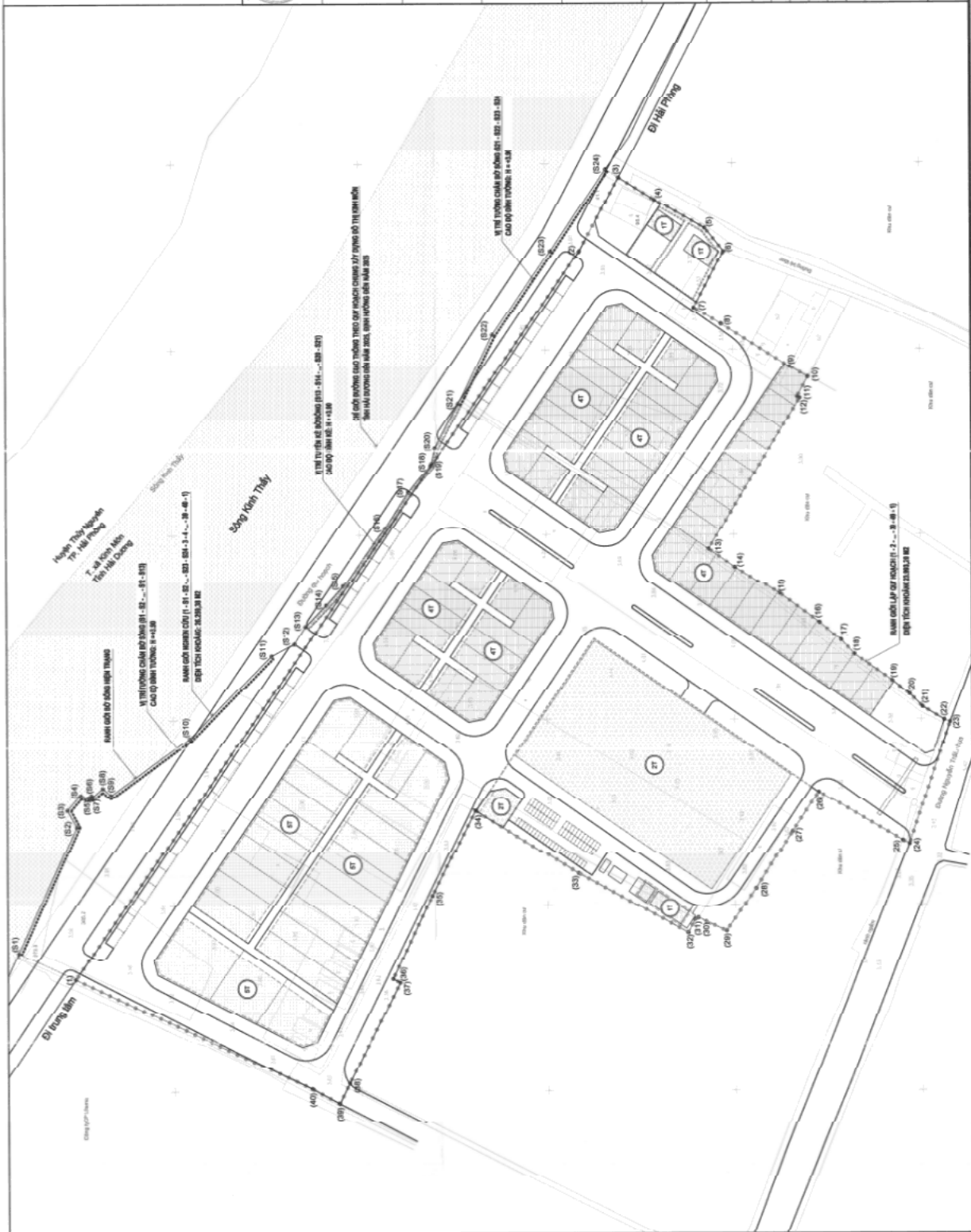
TH. KTS. LE XUÂN HỒNG

GIÁM ĐỐC:

TH. KTS. THAM MUỐC BỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ DỰ HOẠCH ĐÔ THỊ HÀ NỘI

100/100, 100/100, 100/100, 100/100, 100/100, 100/100, 100/100, 100/100, 100/100, 100/100



GHI CHÙ:

☐ XÂY DỰNG CAO 1 TẦNG
☐ XÂY DỰNG CAO 2 TẦNG
☐ XÂY DỰNG CAO 4 TẦNG
☐ XÂY DỰNG CAO 5 TẦNG

4T SỐ TĂNG CAO CÔNG TRÌNH

RANG GIỚI NGHIỆM DỮ (1-S1-S2,...,S23-S24-S4,...,S8-40-1)

DIỆN TÍCH KHUÔNG NG 259,38 M2

RAIHI GIOI LẬP QUỖ HOÀCH (1-2-...-39-40-1)
DIỆN TÍCH KHU VỰC 13.993,20 M2

ĐOÀN PHÉ DUYỆT:

ĐOÀN PHÉ DUYỆT:
BỘ BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN

11

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

ĐẠI HỌC QUỐC GIA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC ĐẤT

PHÒNG

QUẬN 1
ĐỒ THỊ

100

THE ASSOCIATION OF
COUNTRIES IN THE
SOUTH-EAST ASIAN
REGION

HÔNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(continued from page 60)

— **HỒ ĐÀU TƯ**

Y BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN



Y BAN NHÂN DÂN PHƯƠNG AN LƯU

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG
HỒNG TRINH - ĐÀ ĐIỂM

DU AN ĐAU TƯ XÂY DỰNG C

TRUNG TÂN THƯƠNG

THƯỜNG AN LUY, THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH H

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

HIET KE DO THJ - CHIEU CAO X

AN VÊ QH-07A	CHẾP: A1 X 1	TỶ
--------------	--------------	----

THÀNH HIỆN	KTS. HOÀNG GIA KHÔI
------------	---------------------

TRƯỜNG	KTĐ, LƯU THẾ KIỆM
--------	-------------------

ĐỒ TƯ THIẾT KẾ	THS.KTS. THẠM NGUYỄN
----------------	----------------------

CHỦ NHÌEM ĐỒ NH	THS.KTS. THẨM NG
-----------------	------------------

Đ.L. KẾ THUYẾT	TS. KTS. LÊ XUÂN HÒA
----------------	----------------------

HÀM ĐÓC:

1. ☐ TỰ THAM KHẢO THỰC TẾ
 2. ☐ ĐƯỢC HỌC SÁCH ĐỌC
 3. ☐ ĐƯỢC HỌC SÁCH ĐỌC

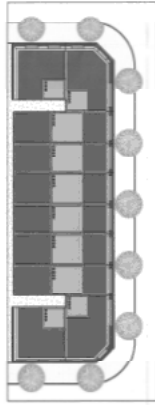
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC V

© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 105–112

THIẾT KẾ ĐÔ THỊ - KIẾN TRÚC ĐIỆN HÌNH

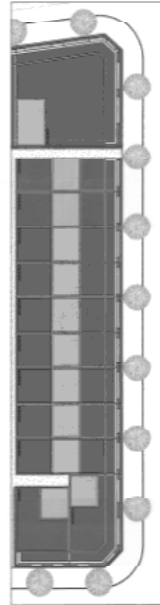
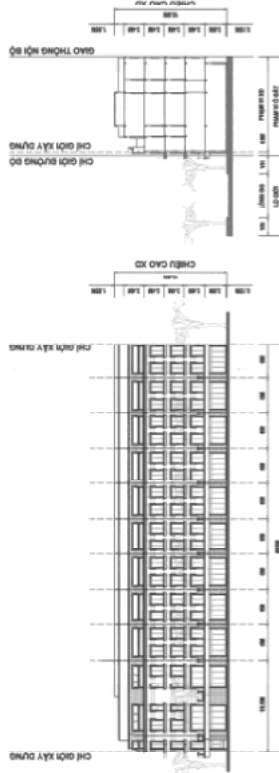
KIẾN TRÚC ĐIỆN HÌNH - CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI 04 TẦNG



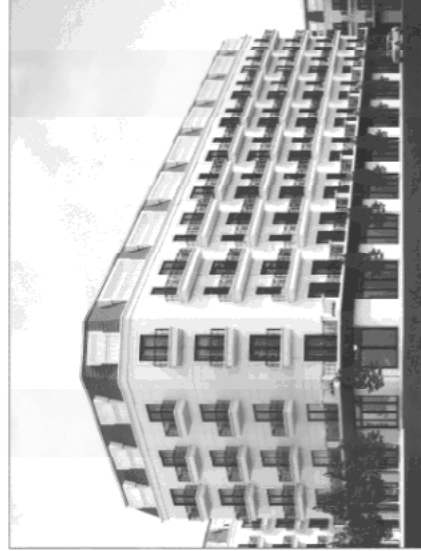
PHỐI CẢNH MINH HỌA KHỞI CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI 04 TẦNG



KIẾN TRÚC ĐIỆN HÌNH - CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI 05 TẦNG



PHỐI CẢNH MINH HỌA KHỞI CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI 05 TẦNG



CƠ QUAN PHÉP DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN		CHỦ TỊCH NGUYỄN VĂN HƯNG	
KÊM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 33/2021/QĐ-UBND NGÀY 25/08/2021		PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ	
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ		CHỦ TỊCH NGUYỄN VĂN HƯNG	
KÊM THEO TỜ TRÌNH SỐ 100/2021/TTR-ĐT NGÀY 25/08/2021		PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	
CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN		TRƯỞNG PHÒNG NGUYỄN VĂN BẢO	
KÝ CHỮ TÊN PHÓ CHỦ TỊCH LÊ VĂN HIỂN		CHỦ TỊCH ĐẠI KIM SƠN	
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN LƯU		CHỦ TỊCH ĐẠI KIM SƠN	
CÔNG TRÌNH: ĐIA ĐIỂM: QUY HOẠCH CH TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ DÂN SINH VÀ TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI AN LƯU PHƯỜNG AN LƯU, THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG			
TÊN BẢN VẼ: THIẾT KẾ ĐÔ THỊ - KIẾN TRÚC ĐIỆN HÌNH			
BẢN VẼ: OH/CTC	CHẾP: A1 X 1	TỶ LỆ: 1/20	ACQ: 2024
THẺ HIỆN	KTS: HOÀNG GIA ĐOÀN		
THIẾT KẾ	KTS: LUY THỊ KIỂM		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THS KTS: THẨM NGỌC ĐỨC		
CHỦ NHIỆM ĐỒ AN	THS KTS: THẨM NGỌC ĐỨC		
Q.L. KỸ THUẬT	TRKS: LÊ XUÂN HỒNG		
CHẤM ĐÓNG:			
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG			
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG			
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ HÀ NỘI			



QUẢN LÝ ĐIVET:
 ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN
 CHỦ TỊCH
 ...

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 534/QĐ-UBH, NGÀY 10 THÁNG 10 NĂM 2021

Kính theo tờ trình số 400 / TTR-QLĐT ngày 26 tháng 10 năm 2021
CƠ QUAN THOA THUẬN
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN VĂN ĐÀO

CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN

THỊ XÃ
BÌNH CHÁNH
TỈNH VĂN DIỄN

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN LƯU

CÔNG TRÌNH - BÀ GIẾNG
QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1:600
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ DÂN SINH VÀ
TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI AN LƯU
PHƯỜNG AN LƯU, THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

THIỆT KẾ ĐỒ THI - CÂY XANH VÀ KHÔNG GIAN MỞ

BIÊN V. QU. 070	CHIẾP A1 X 1	TỶ LỆ: 1:800	AS.12.14
THẺ HIỆN	KTS. HOANG GIA KHÔI		<i>Hoàng Gia Khôi</i>
THẺ KẾ	KTS. LUY THỊ HIỀN		<i>Lưu Thị Hiền</i>
CHỦ TINI THIẾT KẾ	THIS KTS. THAM NGOC DUC		
CHỦ NHẬN DỒN	THIS KTS. THAM NGOC DUC		
C. L. K. THUYAT	TS. KTS. LE XUAN HON		<i>Le Xuân Hôn</i>
GAM BỐC:			

ĐƯỢC ỦY QUYỀN ĐỂ KIỂM TRA VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH. KTS. THAM NGOC DUC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ HÀ NỘI



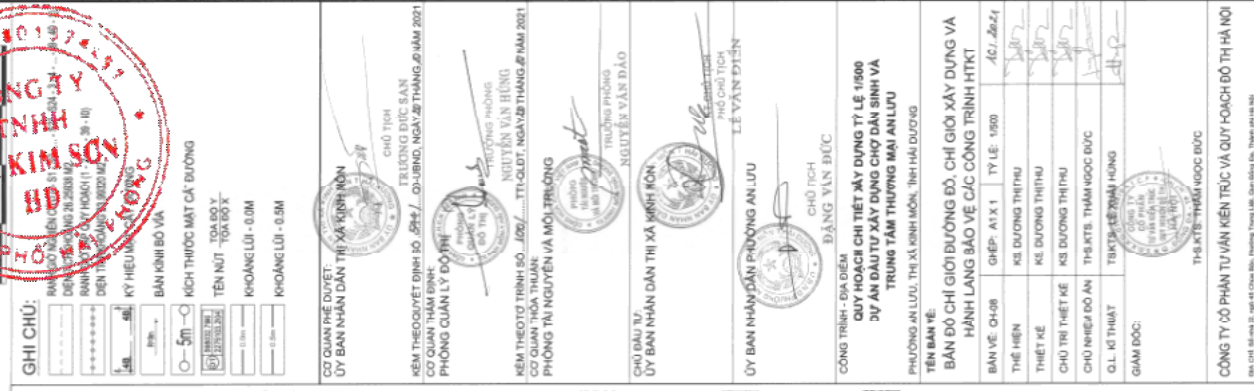
THỜI KỲ THAM MÃN BỮA CŨ

QUAN ĐO:

CÔNG TV
CỔ PHÂN
TƯ SĨN SẮN TRÚC
ĐỢT NGƯỜI GIỎI
THÁI NGUYỄN

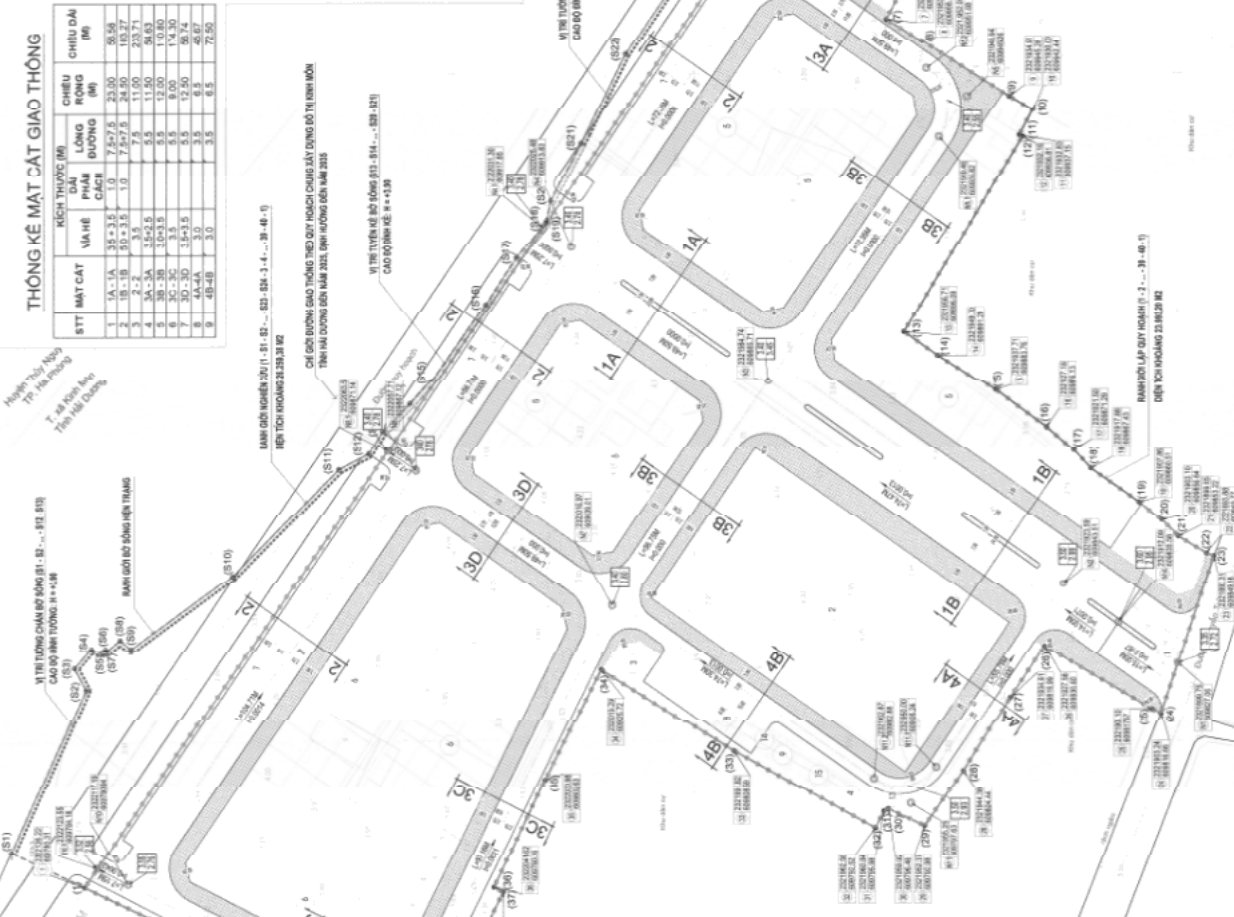
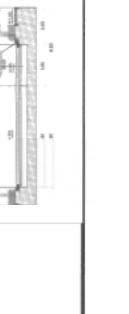
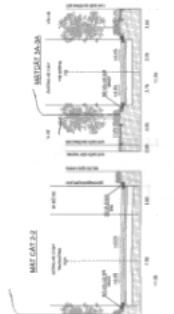
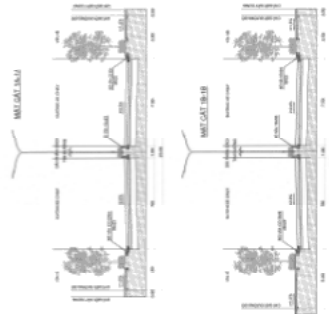
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ QUỸ HOẠCH ĐÔ THỊ HÀ NỘI

TỈNH HẢI DƯƠNG - THỊ XÃ KINH MÔN
QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ DẪN SINH VÀ TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI AN LƯU



BẢNG THÔNG KÊ TỌA ĐỘ TÌM ĐƯỜNG				BẢN HÌNH DỰNG CÔNG NAM
ST	TÊN MỐC	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y	
1	N1	2.321.609,25	600.537,42	
2	N2	2.321.609,25	600.531,58	
3	N1A	2.321.023,95	600.843,51	
4	N2	2.321.023,95	600.835,71	
5	N3	2.321.024,74	600.855,71	
6	N4	2.322.025,48	600.817,85	
7	N5	2.322.031,31	600.817,85	
8	N6	2.321.648,46	600.236,92	
9	N7	2.321.648,46	600.236,92	
10	N8	2.321.648,46	600.236,92	
11	N9	2.321.648,46	600.236,92	
12	N10	2.321.648,46	600.236,92	
13	N11	2.321.648,46	600.236,92	
14	N12	2.321.648,46	600.236,92	
15	N13	2.321.648,46	600.236,92	
16	N14	2.321.648,46	600.236,92	
17	N15	2.321.648,46	600.236,92	
18	N16	2.321.648,33	600.277,48	
19	N7	2.322.017,91	600.539,01	
20	N8	2.322.037,71	600.867,72	
21	N9	2.322.038,34	600.874,14	
22	N10	2.322.117,19	600.760,84	
23	N11	2.322.123,55	600.784,18	
24	N12	2.321.050,00	600.805,24	
25	N11	2.321.055,25	600.797,63	
26	N11.2	2.321.052,97	600.802,88	

STT	MAT CAY	VIA HỀ	KÍCH THƯỚC (m)	CHIỀU DÀI (m)	CHIỀU RỘNG (m)	CHIỀU CAO (m)
1	1A, 1A	30 x 3,5	1,0	7,5	23,00	35,56
2	1B, 1B	50 x 3,5	1,0	7,5	24,50	35,56
3	2A, 2A	30 x 3,5	1,0	7,5	23,00	35,56
4	2B, 2B	50 x 3,5	1,0	7,5	24,50	35,56
5	3A, 3A	30 x 3,5	0,8	6,0	18,00	28,11
6	3B, 3B	50 x 3,5	0,8	6,0	18,00	28,11
7	3C, 3C	3,5	5,5	8,00	14,30	14,30
8	4A, 4A	3,5	5,5	12,50	35,74	35,74
9	4B, 4B	3,0	3,5	6,5	6,5	6,5
10	4B, 4B	3,0	3,5	6,5	6,5	72,90



BẢNG THÔNG KẾ TÀI DỮ LIỆU ĐIỂM ĐƯỜNG			BẢNG KINH ĐƯỜNG ĐIỂM ĐƯỜNG	
STT ĐIỂM MỐC	TOẠ ĐỘ X	TOẠ ĐỘ Y		
1	N1	2.321.899,78	600.827,08	
2	N1A	2.321.902,99	600.835,98	
3	N2	2.321.923,99	600.843,97	
4	N2A	2.321.926,99	600.851,97	
5	N3	2.321.928,98	600.873,93	
6	N4	2.322.031,99	600.917,85	
7	N4.1	2.321.949,49	600.936,62	
8	N5	2.321.943,49	600.945,78	
9	N5A	2.321.946,49	600.954,78	
10	N6	2.321.946,49	600.973,38	
11	N6.1	2.321.950,39	600.977,48	
12	N7	2.322.016,97	600.839,07	
13	N7A	2.322.019,97	600.847,07	
14	N8	2.322.053,94	600.771,14	
15	N8A	2.322.060,94	600.782,14	
16	N9	2.322.119,99	600.780,94	
17	N10	2.321.123,96	600.784,18	
18	N10A	2.321.126,96	600.792,18	
19	N11	2.321.955,25	600.802,88	
20	N11.2	2.321.962,27	600.802,88	

CƠ QUAN SẾ DỤC:
ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH HÒN

KEM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 544 / QĐ-UBND, NGÀY 15 THÁNG 02 NĂM 2021

CƠ QUAN HÀM DINH:
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

KEM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 126 / QĐ-UBND, NGÀY 15 THÁNG 02 NĂM 2021

CƠ QUAN HÀM DINH:
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CƠ QUAN SẾ DỤC:
ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH HÒN

[illegible]

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG				
TÊN BẢN VẼ:	BẢN VẼ CH-09	GHÉP: A1 X 1	TỶ LỆ: 1/500	As 1/2024
THẺ HIỆN		KS DƯƠNG THỊ THU		
THIỆT KẾ		KS DƯƠNG THỊ THU		
CHỌN TRÍ THIẾT KẾ		KS DƯƠNG THỊ THU		
CHỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ		TRỊ THỊ THAM NGOC BUC		
QL. KI THIẾT		TRẦN VĂN HƯNG		

GIÁM ĐỐC:



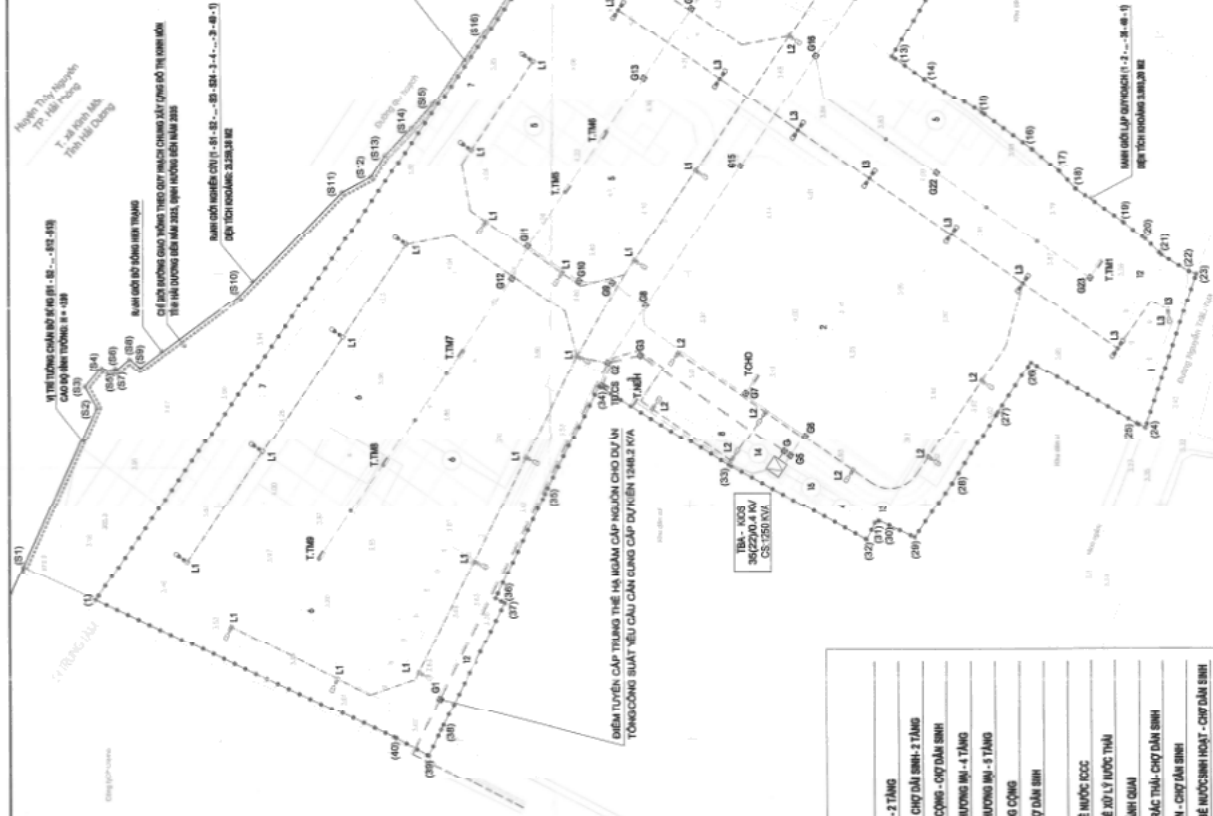
THS.KTS. THẨM NGỌC BÚC

CÔNG TY CỔ PHẦN VỐN KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ HÀ NỘI

TỈNH HẢI DƯƠNG - THỊ XÃ KINH MÔN

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ DÂN SINH VÀ TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI AN LƯU

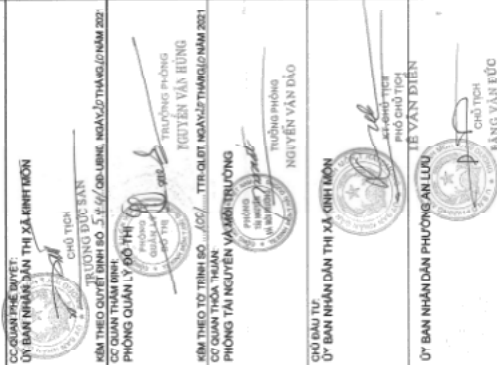
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN VÀ CHIẾU SÁNG



CHÚ THÍCH	
1	CÔNG VÀ VẠO
2	CHỢ DÂN SINH - 2 TẦNG
3	BÁN QUẢN LỢI - CHỢ DÂN SINH - 3 TẦNG
4	VỆ SINH CÔNG CỘNG - CHỢ DÂN SINH
5	CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI - 4 TẦNG
6	CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI - 5 TẦNG
7	BÁN DỒI XE - CHỢ DÂN SINH
8	TRẠM BIẾN ÁP
9	TRẠM BƠM - BỂ MƯỚC KCCC
10	TRẠM XỬ LÝ - BỂ XỬ LÝ MƯỚC THẢI
11	CÂY XANH - CẢNH QUAN
12	CHỖ TẬP KẾT RÁC THẢI - CHỢ DÂN SINH
13	MẶT PHÁT NHIỆT - CHỢ DÂN SINH
14	TRẠM BƠM & BỂ MƯỚC SINH HOẠT - CHỢ DÂN SINH

BẢNG TÍNH NHƯ CẦU SỰ DỤNG ĐIỆN				
STT	Tên phụ tải	Kiểm tra đầu	Đơn vị	Hệ số công suất (cos φ)
1	Công suất chiếu sáng cấp điện - 1 tầng	734.03	W	11.0
2	Công suất chiếu sáng cấp điện - 2 tầng	734.03	W	11.0
3	Công suất chiếu sáng cấp điện - 3 tầng	734.03	W	11.0
4	Công suất chiếu sáng cấp điện - 4 tầng	734.03	W	11.0
5	Công suất chiếu sáng cấp điện - 5 tầng	734.03	W	11.0
6	Công suất chiếu sáng cấp điện - 6 tầng	734.03	W	11.0
7	Công suất chiếu sáng cấp điện - 7 tầng	734.03	W	11.0
8	Công suất chiếu sáng cấp điện - 8 tầng	734.03	W	11.0
9	Công suất chiếu sáng cấp điện - 9 tầng	734.03	W	11.0
10	Công suất chiếu sáng cấp điện - 10 tầng	734.03	W	11.0
11	Công suất chiếu sáng cấp điện - 11 tầng	734.03	W	11.0
12	Công suất chiếu sáng cấp điện - 12 tầng	734.03	W	11.0
13	Công suất chiếu sáng cấp điện - 13 tầng	734.03	W	11.0
14	Công suất chiếu sáng cấp điện - 14 tầng	734.03	W	11.0
15	Công suất chiếu sáng cấp điện - 15 tầng	734.03	W	11.0
16	Công suất chiếu sáng cấp điện - 16 tầng	734.03	W	11.0
17	Công suất chiếu sáng cấp điện - 17 tầng	734.03	W	11.0
18	Công suất chiếu sáng cấp điện - 18 tầng	734.03	W	11.0
19	Công suất chiếu sáng cấp điện - 19 tầng	734.03	W	11.0
20	Công suất chiếu sáng cấp điện - 20 tầng	734.03	W	11.0
21	Công suất chiếu sáng cấp điện - 21 tầng	734.03	W	11.0
22	Công suất chiếu sáng cấp điện - 22 tầng	734.03	W	11.0
23	Công suất chiếu sáng cấp điện - 23 tầng	734.03	W	11.0
24	Công suất chiếu sáng cấp điện - 24 tầng	734.03	W	11.0
25	Công suất chiếu sáng cấp điện - 25 tầng	734.03	W	11.0
26	Công suất chiếu sáng cấp điện - 26 tầng	734.03	W	11.0
27	Công suất chiếu sáng cấp điện - 27 tầng	734.03	W	11.0
28	Công suất chiếu sáng cấp điện - 28 tầng	734.03	W	11.0
29	Công suất chiếu sáng cấp điện - 29 tầng	734.03	W	11.0
30	Công suất chiếu sáng cấp điện - 30 tầng	734.03	W	11.0
31	Công suất chiếu sáng cấp điện - 31 tầng	734.03	W	11.0
32	Công suất chiếu sáng cấp điện - 32 tầng	734.03	W	11.0
33	Công suất chiếu sáng cấp điện - 33 tầng	734.03	W	11.0
34	Công suất chiếu sáng cấp điện - 34 tầng	734.03	W	11.0
35	Công suất chiếu sáng cấp điện - 35 tầng	734.03	W	11.0
36	Công suất chiếu sáng cấp điện - 36 tầng	734.03	W	11.0
37	Công suất chiếu sáng cấp điện - 37 tầng	734.03	W	11.0
38	Công suất chiếu sáng cấp điện - 38 tầng	734.03	W	11.0
39	Công suất chiếu sáng cấp điện - 39 tầng	734.03	W	11.0
40	Công suất chiếu sáng cấp điện - 40 tầng	734.03	W	11.0
41	Công suất chiếu sáng cấp điện - 41 tầng	734.03	W	11.0
42	Công suất chiếu sáng cấp điện - 42 tầng	734.03	W	11.0
43	Công suất chiếu sáng cấp điện - 43 tầng	734.03	W	11.0
44	Công suất chiếu sáng cấp điện - 44 tầng	734.03	W	11.0
45	Công suất chiếu sáng cấp điện - 45 tầng	734.03	W	11.0
46	Công suất chiếu sáng cấp điện - 46 tầng	734.03	W	11.0
47	Công suất chiếu sáng cấp điện - 47 tầng	734.03	W	11.0
48	Công suất chiếu sáng cấp điện - 48 tầng	734.03	W	11.0
49	Công suất chiếu sáng cấp điện - 49 tầng	734.03	W	11.0
50	Công suất chiếu sáng cấp điện - 50 tầng	734.03	W	11.0
51	Công suất chiếu sáng cấp điện - 51 tầng	734.03	W	11.0
52	Công suất chiếu sáng cấp điện - 52 tầng	734.03	W	11.0
53	Công suất chiếu sáng cấp điện - 53 tầng	734.03	W	11.0
54	Công suất chiếu sáng cấp điện - 54 tầng	734.03	W	11.0
55	Công suất chiếu sáng cấp điện - 55 tầng	734.03	W	11.0
56	Công suất chiếu sáng cấp điện - 56 tầng	734.03	W	11.0
57	Công suất chiếu sáng cấp điện - 57 tầng	734.03	W	11.0
58	Công suất chiếu sáng cấp điện - 58 tầng	734.03	W	11.0
59	Công suất chiếu sáng cấp điện - 59 tầng	734.03	W	11.0
60	Công suất chiếu sáng cấp điện - 60 tầng	734.03	W	11.0
61	Công suất chiếu sáng cấp điện - 61 tầng	734.03	W	11.0
62	Công suất chiếu sáng cấp điện - 62 tầng	734.03	W	11.0
63	Công suất chiếu sáng cấp điện - 63 tầng	734.03	W	11.0
64	Công suất chiếu sáng cấp điện - 64 tầng	734.03	W	11.0
65	Công suất chiếu sáng cấp điện - 65 tầng	734.03	W	11.0
66	Công suất chiếu sáng cấp điện - 66 tầng	734.03	W	11.0
67	Công suất chiếu sáng cấp điện - 67 tầng	734.03	W	11.0
68	Công suất chiếu sáng cấp điện - 68 tầng	734.03	W	11.0
69	Công suất chiếu sáng cấp điện - 69 tầng	734.03	W	11.0
70	Công suất chiếu sáng cấp điện - 70 tầng	734.03	W	11.0
71	Công suất chiếu sáng cấp điện - 71 tầng	734.03	W	11.0
72	Công suất chiếu sáng cấp điện - 72 tầng	734.03	W	11.0
73	Công suất chiếu sáng cấp điện - 73 tầng	734.03	W	11.0
74	Công suất chiếu sáng cấp điện - 74 tầng	734.03	W	11.0
75	Công suất chiếu sáng cấp điện - 75 tầng	734.03	W	11.0
76	Công suất chiếu sáng cấp điện - 76 tầng	734.03	W	11.0
77	Công suất chiếu sáng cấp điện - 77 tầng	734.03	W	11.0
78	Công suất chiếu sáng cấp điện - 78 tầng	734.03	W	11.0
79	Công suất chiếu sáng cấp điện - 79 tầng	734.03	W	11.0
80	Công suất chiếu sáng cấp điện - 80 tầng	734.03	W	11.0
81	Công suất chiếu sáng cấp điện - 81 tầng	734.03	W	11.0
82	Công suất chiếu sáng cấp điện - 82 tầng	734.03	W	11.0
83	Công suất chiếu sáng cấp điện - 83 tầng	734.03	W	11.0
84	Công suất chiếu sáng cấp điện - 84 tầng	734.03	W	11.0
85	Công suất chiếu sáng cấp điện - 85 tầng	734.03	W	11.0
86	Công suất chiếu sáng cấp điện - 86 tầng	734.03	W	11.0
87	Công suất chiếu sáng cấp điện - 87 tầng	734.03	W	11.0
88	Công suất chiếu sáng cấp điện - 88 tầng	734.03	W	11.0
89	Công suất chiếu sáng cấp điện - 89 tầng	734.03	W	11.0
90	Công suất chiếu sáng cấp điện - 90 tầng	734.03	W	11.0
91	Công suất chiếu sáng cấp điện - 91 tầng	734.03	W	11.0
92	Công suất chiếu sáng cấp điện - 92 tầng	734.03	W	11.0
93	Công suất chiếu sáng cấp điện - 93 tầng	734.03	W	11.0
94	Công suất chiếu sáng cấp điện - 94 tầng	734.03	W	11.0
95	Công suất chiếu sáng cấp điện - 95 tầng	734.03	W	11.0
96	Công suất chiếu sáng cấp điện - 96 tầng	734.03	W	11.0
97	Công suất chiếu sáng cấp điện - 97 tầng	734.03	W	11.0
98	Công suất chiếu sáng cấp điện - 98 tầng	734.03	W	11.0
99	Công suất chiếu sáng cấp điện - 99 tầng	734.03	W	11.0
100	Công suất chiếu sáng cấp điện - 100 tầng	734.03	W	11.0

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CẤP ĐIỆN VÀ CHIẾU SÁNG				
STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính
1	Trạm biến áp khu vực cấp điện 1250	W	1	W
2	Cáp điện trung áp 20KV	m	150	m
3	Cáp điện trung áp 10KV	m	800	m
4	Cáp điện trung áp 5KV	m	1000	m
5	Cáp điện trung áp 3KV	m	1000	m
6	Cáp điện trung áp 1KV	m	1000	m
7	Cáp điện trung áp 0.6KV	m	28	m
8	Cáp điện trung áp 0.4KV	m	7	m
9	Cáp điện trung áp 0.2KV	m	7	m
10	Cáp điện trung áp 0.1KV	m	13	m
11	Cáp điện trung áp 0.05KV	m	13	m
12	Cáp điện trung áp 0.02KV	m	13	m
13	Cáp điện trung áp 0.01KV	m	13	m

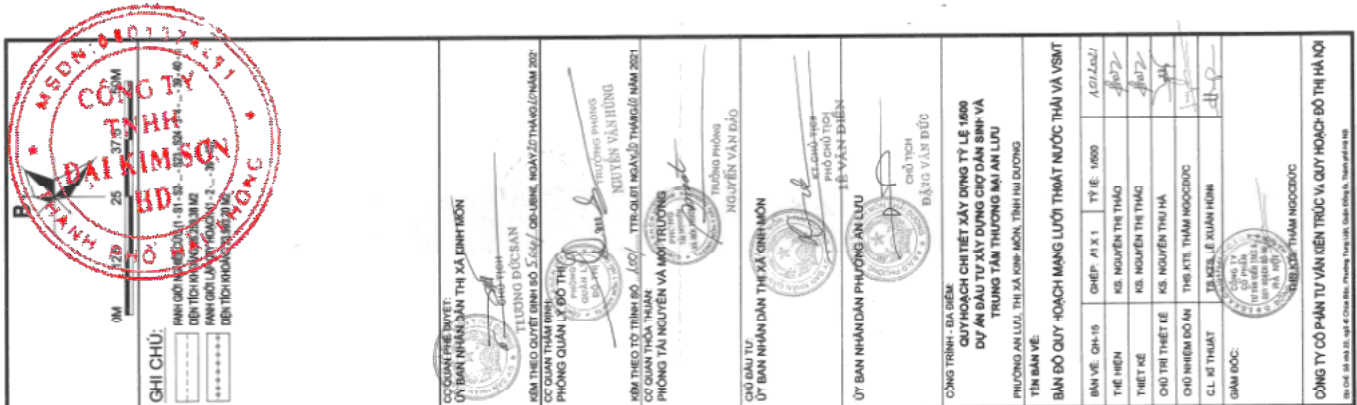


CHỮ THÁCH

- 1 CỎS ƠN VƯỜ
- 2 CHỢ DÂN SINH - 2 TÀNG
- 3 BAN GIẢI TỘI - CHỢ DÂN SINH - 2 TÀNG
- 4 VỆ SINH CÔNG CỘNG - CHỢ DÂN SINH
- 5 CÔNG TRƯỜNG MÙI - 1 TÀNG
- 6 CÔNG TRƯỜNG THƯƠNG MẠI - 1 TÀNG
- 7 BẦU ĐÓ TÈ CÔNG CỘNG
- 8 BẦU ĐÓ TÈ - CHỢ DÂN SINH
- 9 TRẦN BẾN LẬP
- 10 TRẦN KHU - BẾ NƯỚC ĐỒC
- 11 TRẦN KHU - BẾ XỬ LÝ NƯỚC TRẦN
- 12 CÂY XANH - CÁNH QUÂN
- 13 CHỢ TÈ KẾT SẮC TỬ - CHỢ DÂN SINH
- 14 MẶT PHÁT ĐIỆN - CHỢ DÂN SINH
- 15 TRẦN KHU - BẾ NƯỚC HOẠT - CHỢ DÂN SINH

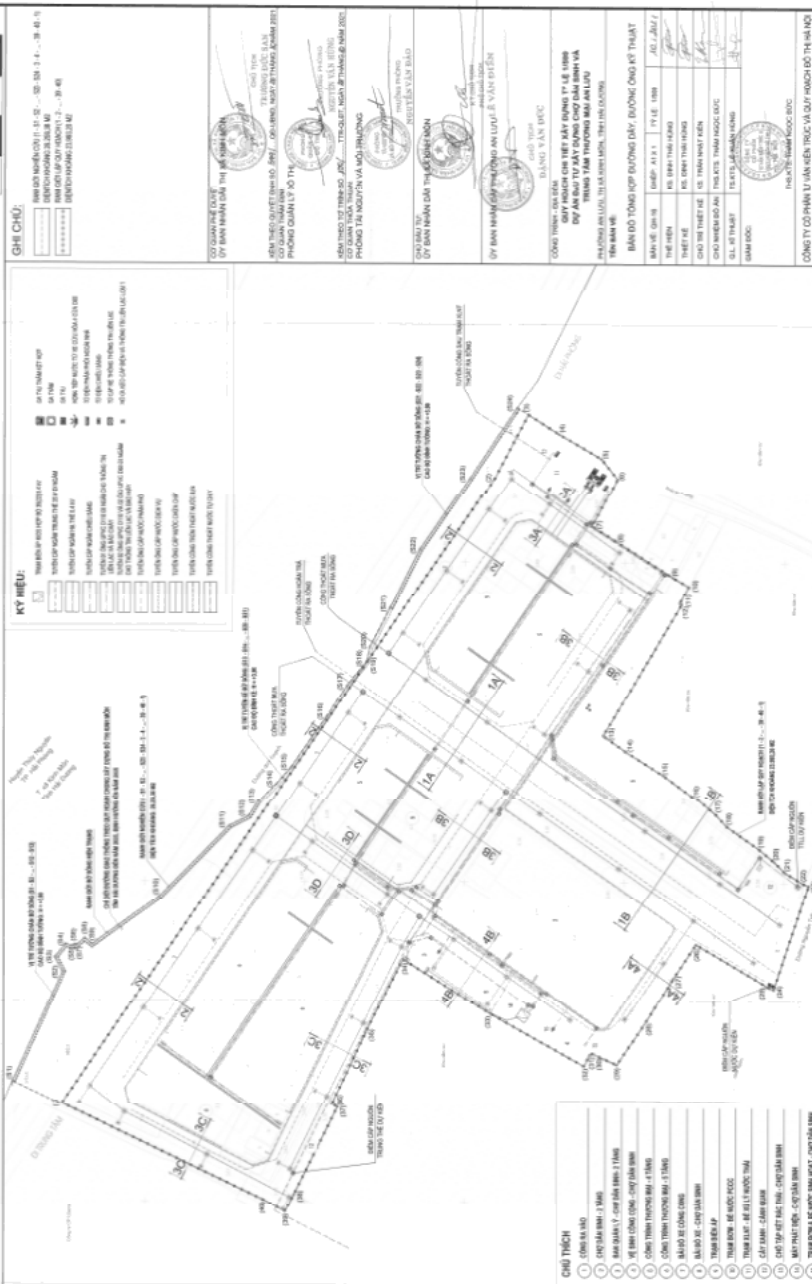
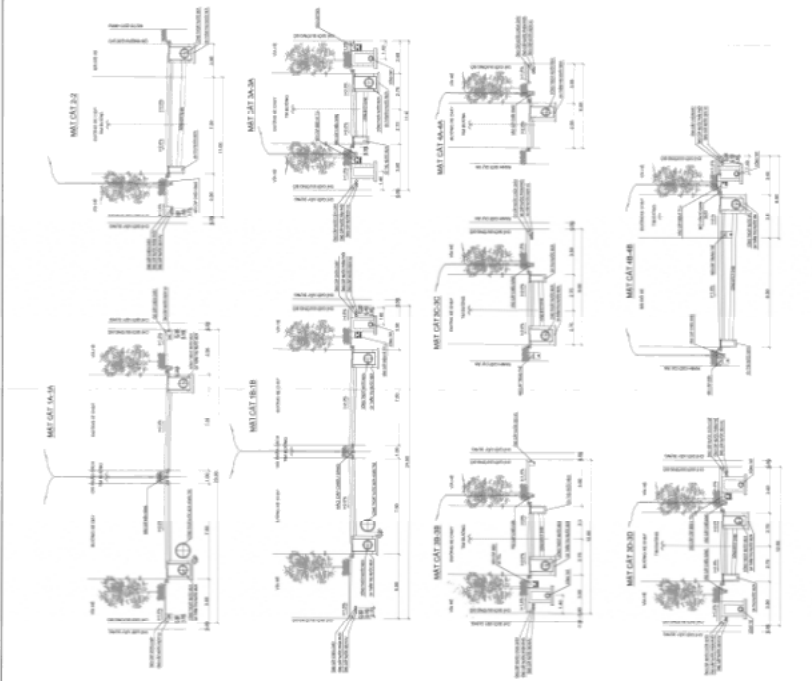
[illegible]

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ HÀ NỘI





TỈNH HẢI DƯƠNG - THỊ XÃ KINH MÔN
QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ DÂN SINH VÀ TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI AN LƯU
BẢN ĐỒ TỔNG HỢP ĐƯỜNG DÂY, ĐƯỜNG ống KỸ THUẬT

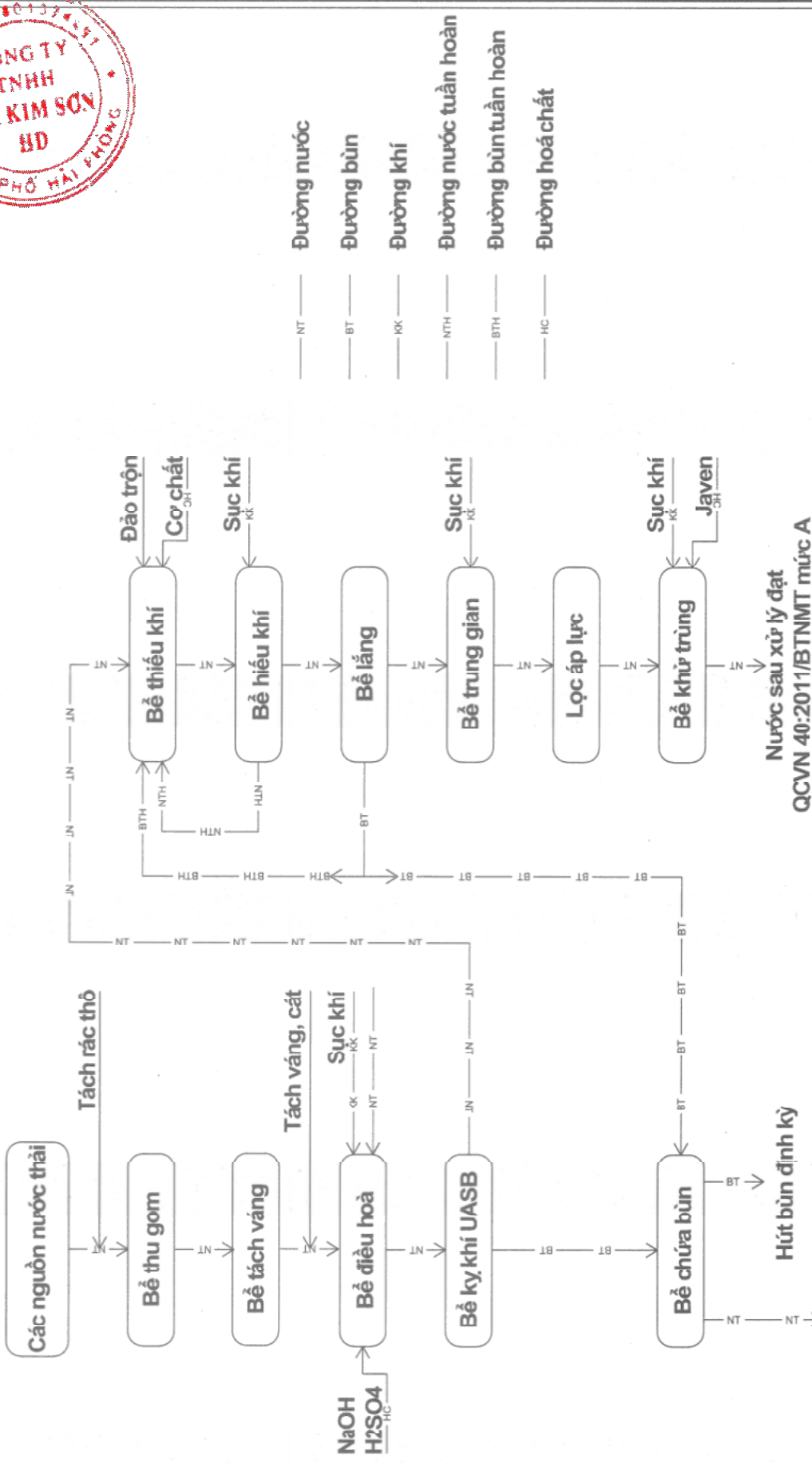


CHỈ THÍCH

1	ÔNG NGƯỜI
2	CHỢ DÂN SINH
3	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
4	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
5	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
6	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
7	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
8	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
9	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
10	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
11	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
12	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
13	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
14	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
15	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
16	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
17	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
18	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
19	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
20	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
21	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
22	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
23	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
24	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
25	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
26	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
27	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
28	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
29	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
30	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
31	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
32	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
33	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
34	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
35	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
36	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
37	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
38	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
39	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
40	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
41	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
42	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
43	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
44	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
45	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
46	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
47	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
48	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
49	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
50	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
51	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
52	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
53	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
54	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
55	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
56	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
57	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
58	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
59	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
60	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
61	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
62	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
63	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
64	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
65	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
66	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
67	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
68	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
69	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
70	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
71	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
72	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
73	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
74	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
75	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
76	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
77	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
78	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
79	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
80	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
81	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
82	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
83	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
84	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
85	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
86	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
87	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
88	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
89	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
90	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
91	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
92	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
93	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
94	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
95	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
96	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
97	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
98	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
99	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
100	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI



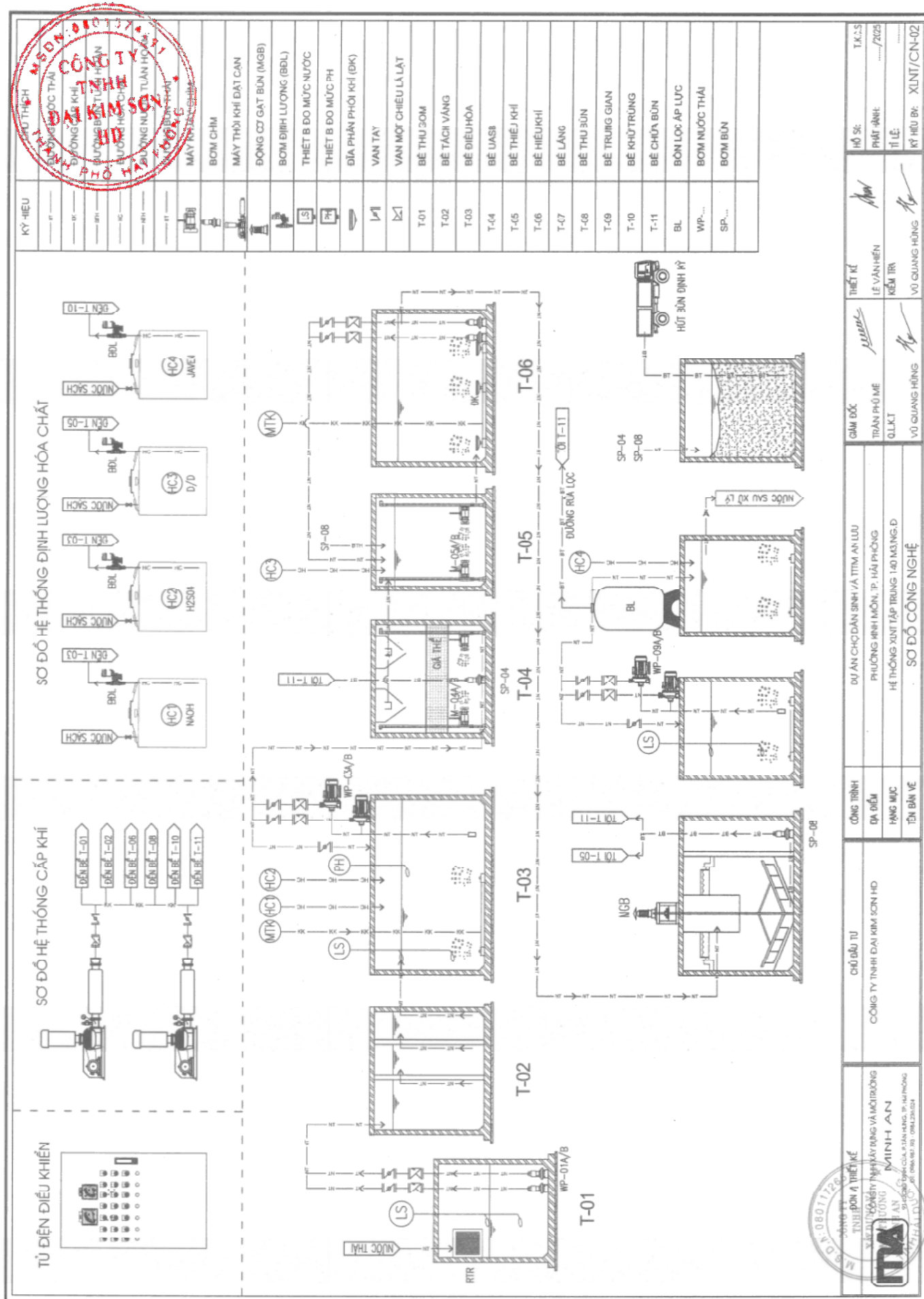
PHẦN CÔNG NGHỆ

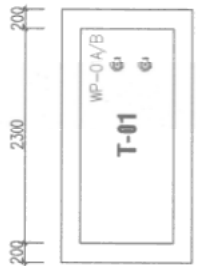


- Đường nước — NT —
- Đường bùn — BT —
- Đường khí — KK —
- Đường nước tuần hoàn — NTH —
- Đường bùn tuần hoàn — BTH —
- Đường hoá chất — HC —

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH ĐẠI KIM SƠN HD		CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CHỖ ĐÀM SINH VÀ TTM AN LƯU	GIAI ĐOẠN TRẦN PHÚ MÊ	THIẾT KẾ LÊ VĂN HÈN	HỒ SƠ TKCS
DA ĐIỂM HẠNG MỤC		PHƯỜNG KINH MÔN, TP. HẢI PHÒNG	QLKT VŨ QUANG HÙNG	KẾM TRA VŨ QUANG HÙNG	PHÁT ANH:/225
TÊN BẢN VẼ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ XỬ LÝ		HỆ THỐNG XỬ LÝ TẬP TRÚNG 140 M3/NG.Đ	KÝ HỮU B: XLNT/CN-01	KÝ HỮU B: XLNT/CN-01	TITLE:



[illegible]



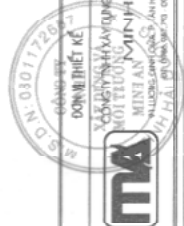
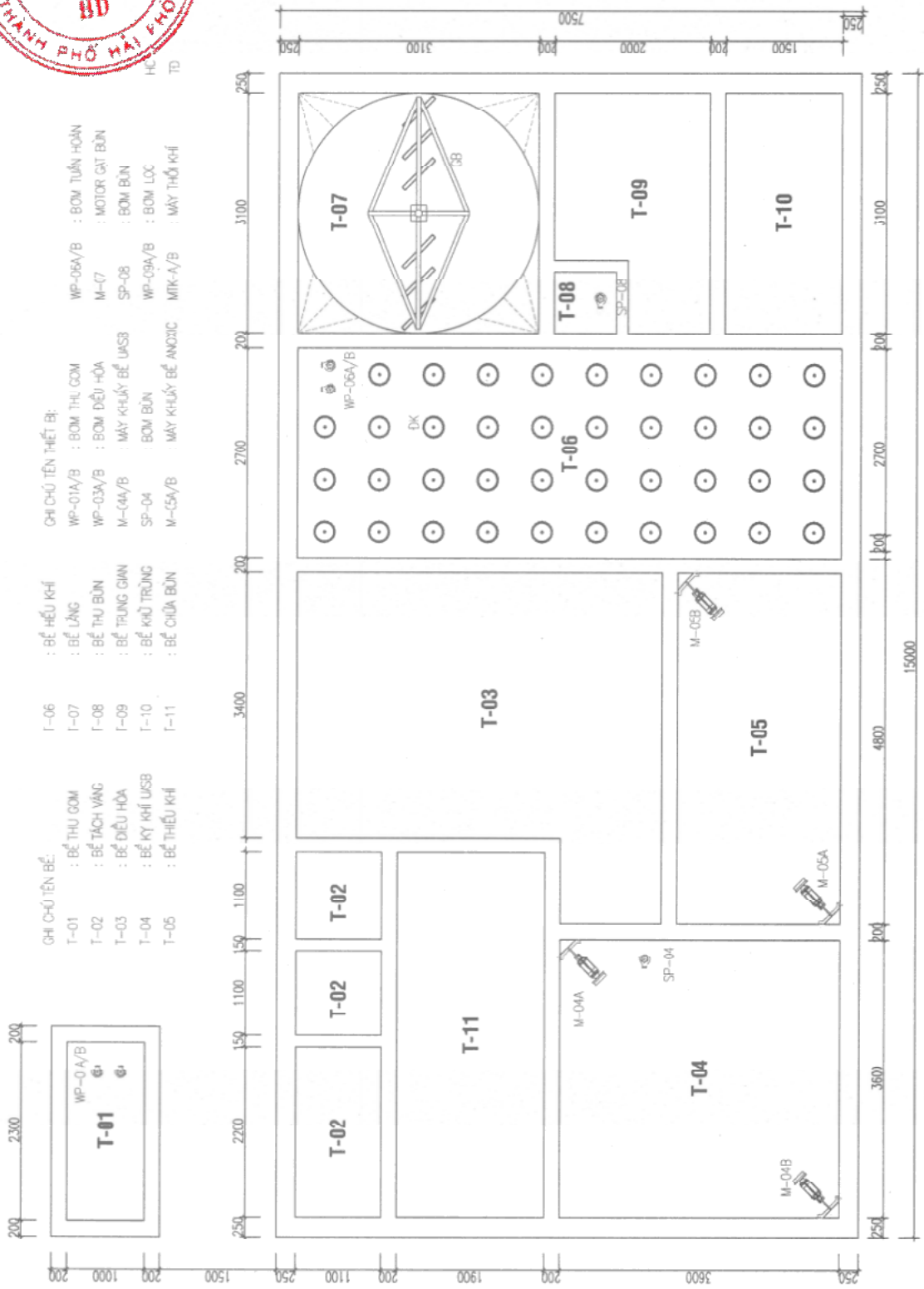
GHI CHÚ TÊN BỂ:

- T-01 : BỂ THU GOM
- T-02 : BỂ TÁCH VẮNG
- T-03 : BỂ ĐIỀU HÒA
- T-04 : BỂ KỸ KHÍ USB
- T-05 : BỂ THIỂU KHÍ

GHI CHÚ TÊN THIẾT BỊ:

- T-06 : BỂ HỮU KHÍ
- T-07 : BỂ LẮNG
- T-08 : BỂ THU BÙN
- T-09 : BỂ TRUNG GIẢN
- T-10 : BỂ KHỬ TRÙNG
- T-11 : BỂ CHỨA BÙN

- WP-06A/B : BƠM TẦN HOÀN
- M-07 : MOTOR GẠT BÙN
- SP-08 : BƠM BÙN
- WP-09A/B : BƠM LỌC
- MTK-A/B : MÁY THỔI KHÍ



CÔNG TY TNHH ĐẠI KIM SƠN HD
MÔI TRƯỜNG VÀ MÔI TRƯỜNG AN
MINI AN VINH AN
HÀNG MỤC TÊN BẢN VẼ

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH ĐẠI KIM SƠN HD

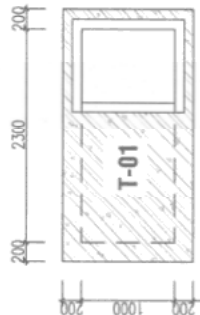
CÔNG TRÌNH
ĐÀ ĐIỂM
HÀNG MỤC
TÊN BẢN VẼ

DI AN CHỌN DAN SINH VÀ TTM AN LUU
PHƯỜNG KINH MÔN, TP. HẢI PHÒNG
HỆ THỐNG XỬ LÝ TẬP TRUNG TẠO MÀNG D
MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRONG BỂ

GIAI ĐỐC
TRẦN PHÚ MÊ
QLKT
VU QUANG HÙNG

THIẾT KẾ
LÊ VĂN HÈN
KẾM TRA
VU QUANG HÙNG

HỒ SƠ
PHÁT HÀNH
TỈ LỆ
KÝ HIỆU BÌ: XLNT/CN-03



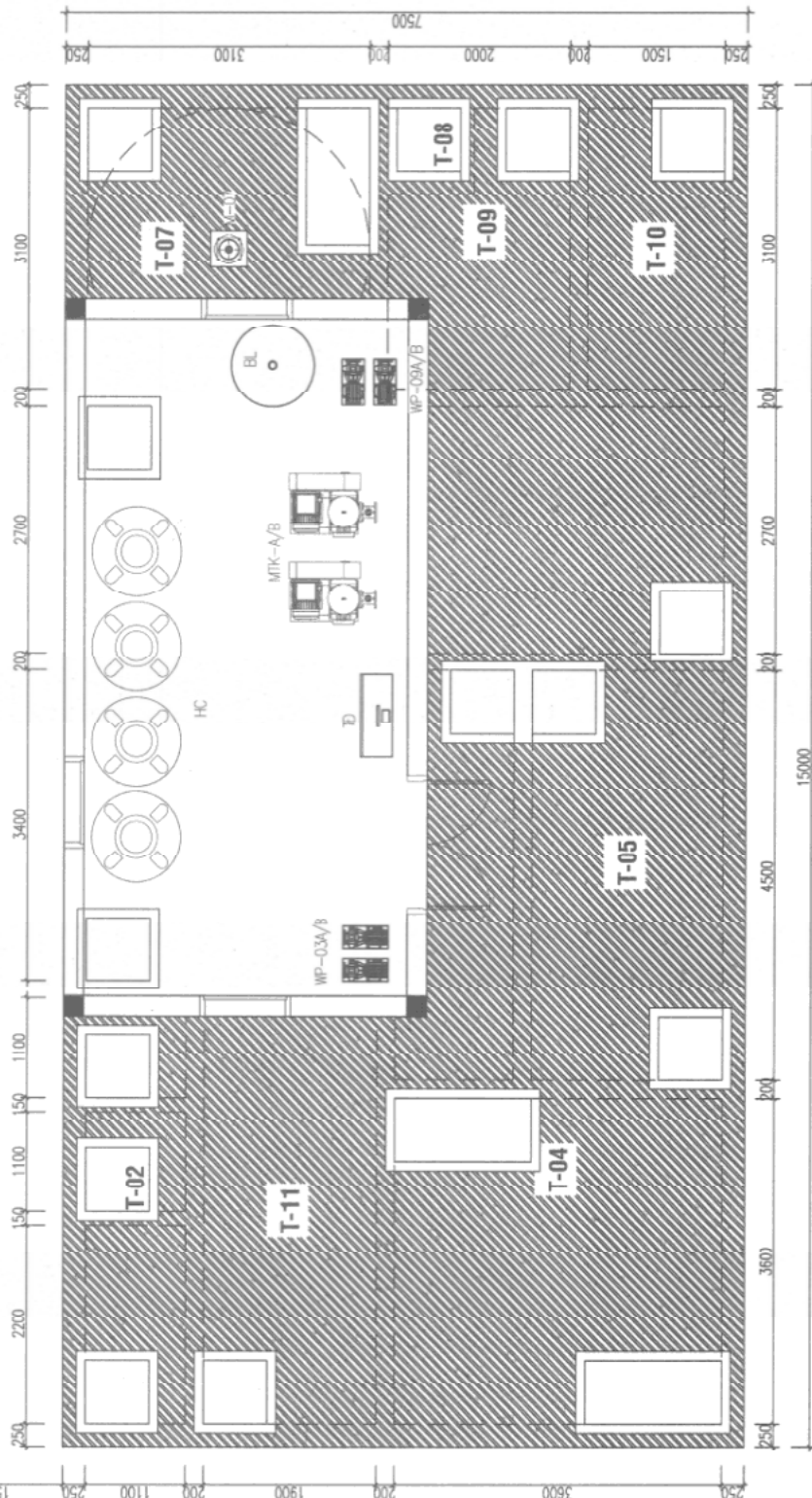
CHI CHỈ TÊN BẾ:

- T-01 : BẾ THU GOM
- T-02 : BẾ TÁCH VẮNG
- T-03 : BẾ ĐIỀU HÒA
- T-04 : BẾ KỸ KHÍ USSB
- T-05 : BẾ THIỂU KHÍ

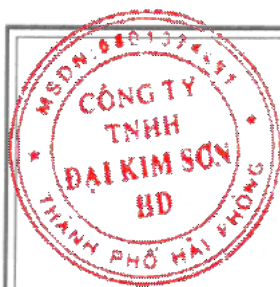
CHI CHỈ TÊN THIẾT BỊ:

- T-06 : BẾ HỮU KHÍ
- T-07 : BẾ LĂNG
- T-08 : BẾ THU BÙN
- T-09 : BẾ TRUNG GIẢN
- T-10 : BẾ KHỬ TRÙNG
- T-11 : BẾ CHỮA BÙN

- WP-05A/B : BƠM THU GOM
- M-47 : MOTOR CẮT BÙN
- SP-08 : BƠM BÙN
- WP-09A/B : BƠM LỌC
- MTK-A/B : MÁY THỔI KHÍ



 ĐƠN VỊ THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH ĐẠI KIM SƠN HD MINH AN TRƯỜNG ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG 10, QUẬN HOÀNG MA, TP. HÀ NỘI ĐT: 0906.760.765 - 0984.234.024	CHỦ ĐẦU TƯ	CÔNG TRÌNH	DỰ ÁN CHỖ DẠY SINH VÀ TÌM AN LƯU	GAM ĐỐC	THIẾT KẾ	HỒ SƠ	TKCS
	CÔNG TY TNHH ĐẠI KIM SƠN HD	ĐẠ ĐIỂM	PHƯỜNG KINH HÒN, P. HẢI PHÔNG	TRẦN PHÚ MÊ	LE VĂN HÈN	PHÁT HÀNH:/2025	
		HẠNG MỤC	HỆ THỐNG XỬ LÝ TẬP TRUNG 140 M3/NG.Đ	QLKT	KẾM TRA	TỈ LỆ:	
		TÊN BẢN VẼ	MẶT BẰNG BỐ TRÍ CÁC NẮP THÂM		VU QUANG HƯNG	KÝ HỮU BÝ: X.LNT/KT-02	



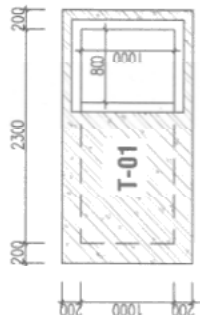
PHẦN KIẾN TRÚC



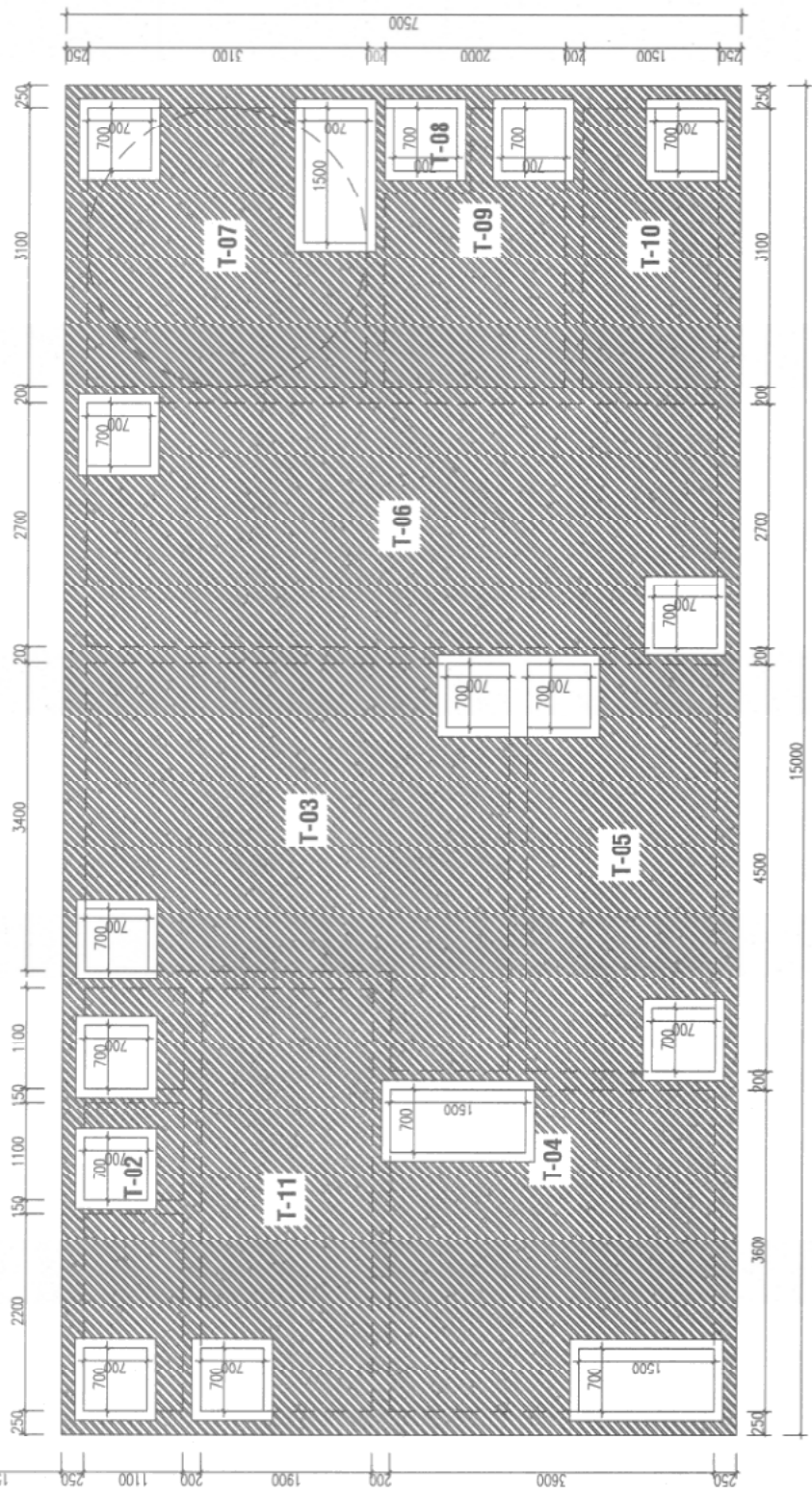
- CHỈ CHỮ TÊN BỂ:
- | | | | |
|------|---------------|------|----------------|
| T-01 | : BỂ THU GOM | T-08 | : BỂ THU Bùn |
| T-02 | : BỂ ÁCH VẮNG | T-09 | : BỂ TRUNG CAN |
| T-03 | : BỂ ĐIỀU HÒA | T-10 | : BỂ KHỬ TRÙNG |
| | | T-11 | : BỂ CHỨA Bùn |
- T-04 : BỂ KỶ KHÍ LƯỚI
T-05 : BỂ THỦ KHÍ
T-06 : BỂ HẾ KHÍ
T-07 : BỂ LẮNG



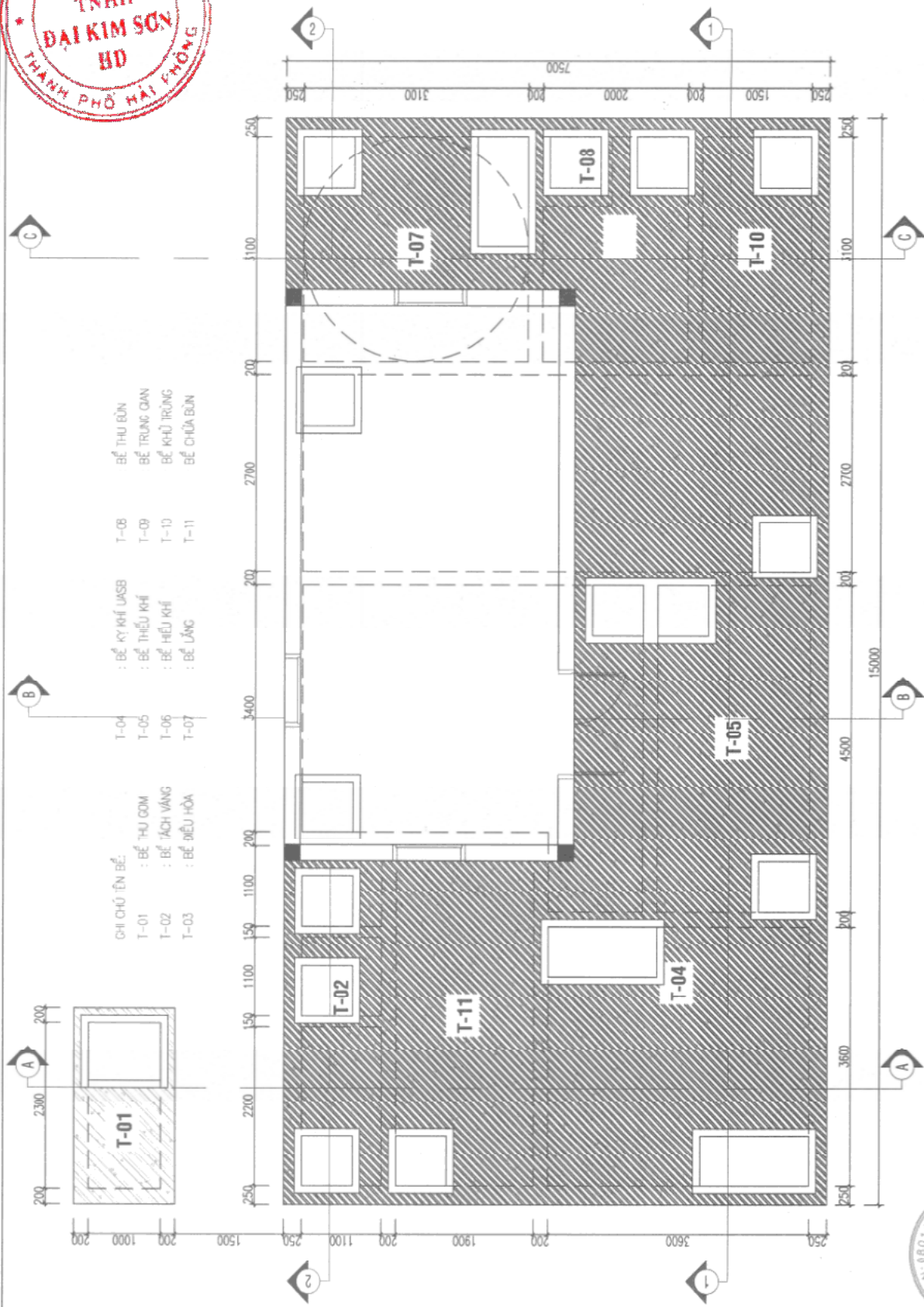
MA CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG MINH AN Số 10/1 Đường số 1, Phường Hải Phòng Hải Phòng	CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH ĐẠI KIM SƠN HD	CÔNG TRÌNH ĐÀ ĐIỂM HẠNG MỤC TÊN BẢN VẼ	DỰ ÁN CHỌN ĐƠN SINH VÀ TÌM AN LƯU PHƯỜNG MINH MÓN, TP. HẢI PHÒNG HỆ THỐNG XỬ TẬP TRUNG 140 M3/NG.Đ	MẬT BẢNG BỐ TRÍ CÁC NGĂN BỂ XỬ LÝ	GIAO ĐỐC	THIẾT KẾ	HỒ SƠ
					TRẦN PHÚ MÊ	LÊ VĂN HÈN	TK/S
					QLKT	KÊM TRÁ	PHỤ ANH TỈ LỆ KÝ HIỆU BẰNG
					VU QUANG HÙNG	VU QUANG HÙNG	/2025 XLNT/KT-01



- CHỈ CHỮ TÊN BỂ:
- T-01 : BỂ THU GOM
 - T-02 : BỂ ÁCH VẮNG
 - T-03 : BỂ ĐIỀU HÒA
 - T-04 : BỂ KÝ KHÍ LIASB
 - T-05 : BỂ THỂ KHÍ
 - T-06 : BỂ HẾ KHÍ
 - T-07 : BỂ LẮNG
 - T-08 : BỂ THU BÙN
 - T-09 : BỂ TRUNG OAN
 - T-10 : BỂ KHỬ TRÙNG
 - T-11 : BỂ CHỮA BÙN



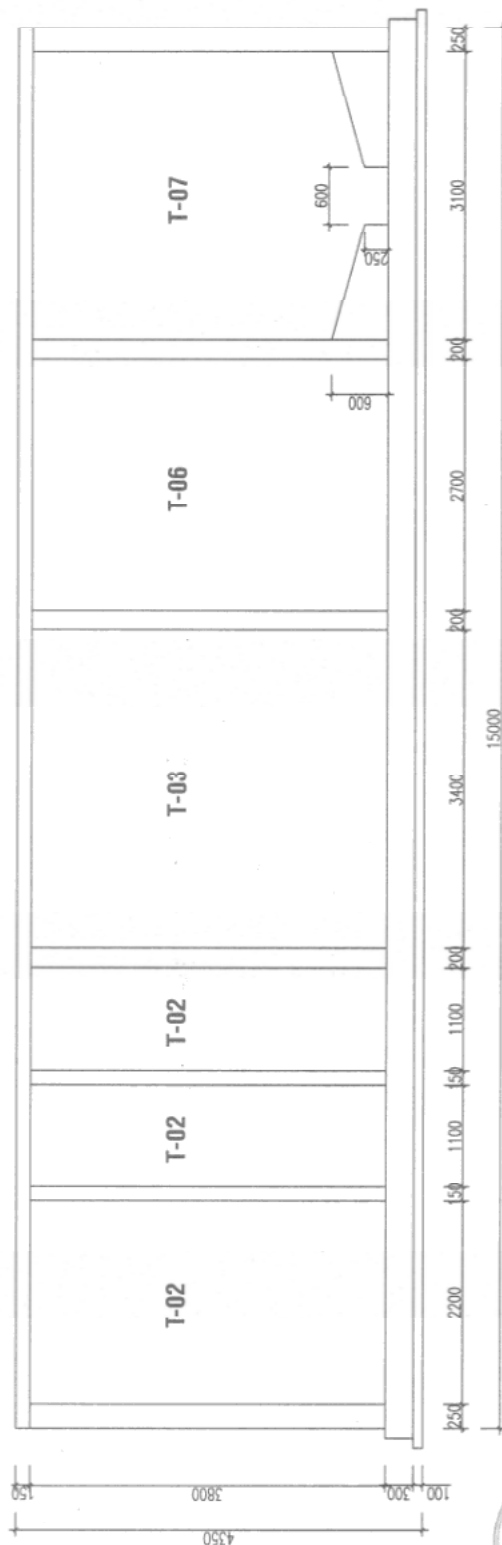
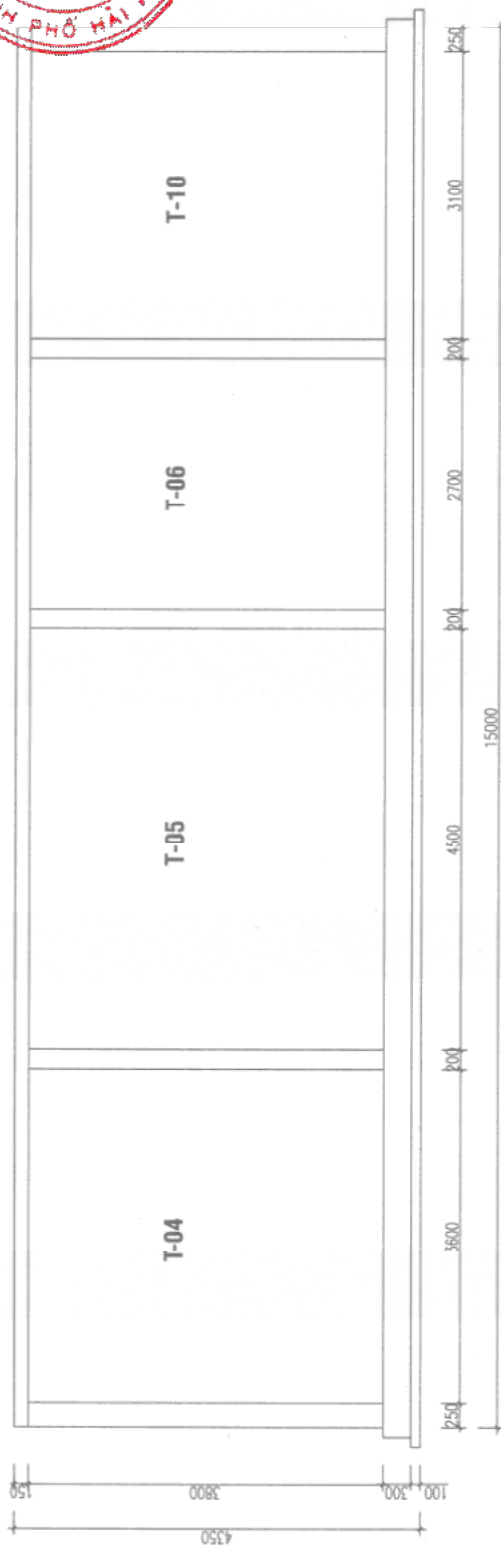
 DON VỊ THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH ĐẠI KIM SƠN HD XÃ QUỖNG VẢ HUYỆN QUỖNG VẢ TỈNH QUỖNG BẮC MINE AN Số Giấy Đăng Ký: 004/2004 TH. HẢI PHÒNG	CHỦ ĐẦU TƯ		CÔNG TRÌNH		CỤ AN CHỌN DÁN SINH VÀ ITTM AN LƯU		GÁM ĐỐC		THIẾT KẾ		HỒ SƠ		T.K.L.S		
	CÔNG TY TNHH ĐẠI KIM SƠN HD		ĐẠI DIỆN		PHƯỜNG KINH MÔN, TP. HẢI PHÒNG		TRẦN PHÚ MỀ		LE VĂN HIẾN		PHÁT HÀNH:		T.K.L.S		
			HẠNG MỤC		HỆ THỐNG XỬ LÝ TẬP TRÚNG 140 M3/NG.Đ		Q.L.K.T		KẾM TRƯA		T. L. L.				
			TÊN BẢN VẼ		MẬT BĂNG BỐ TRÍ CÁC NẮP THÂM				VU QUANG HÙNG		VU QUANG HÙNG		KÝ HIỆU B/V: XLNT/KT-C2		XUẤT/KT-C2



- CHI CHÚ TÊN BẾ:
- T-01 : BẾ THU GOM
 - T-02 : BẾ TÁCH VẮNG
 - T-03 : BẾ ĐIỀU HÒA
 - T-04 : BẾ KỸ KHÍ UASB
 - T-05 : BẾ THIỂU KHÍ
 - T-06 : BẾ HIỂU KHÍ
 - T-07 : BẾ LẮNG
 - T-08 : BẾ THU BÙN
 - T-09 : BẾ TRUNG QIAN
 - T-10 : BẾ KHỬ TRÙNG
 - T-11 : BẾ CHỮA BÙN



	CHỦ ĐẦU TƯ		CÔNG TRÌNH	DỰ ÁN CHỌN DÁN SÍNH / VÀ TÍNH AN LƯU		GIAI ĐOẠN	THIẾT KẾ	HỒ SƠ	TK & S		
	CÔNG TY TNHH ĐẠI KIM SƠN HD			PHƯỜNG MINH MÔN, TP. HẢI PHÒNG							
	MÔI TRƯỜNG VÀ MÔI TRƯỜNG		HẠNG MỤC	HỆ THỐNG XỬ LÝ TẬP TRUNG 140 M3/NG.Đ		QLKT	KẾM TRA	PHẬT ANH	TK & S		
	MÔI TRƯỜNG VÀ MÔI TRƯỜNG			MẶT BẰNG NHÀ ĐIỀU HÀNH							
		TÊN BẢN VẼ			Vũ Quang Hùng		Vũ Quang Hùng		XNLT/KT-03		



	CHỦ ĐẦU TƯ		CÔNG TRÌNH	DỰ ÁN CHỌN SINH VÀ TÌM AN LƯU	GIAI ĐỐC	THIẾT KẾ	HỒ SƠ	TK/CS
	CÔNG TY TNHH ĐẠI KIM SƠN HD							
CÔNG TY TNHH ĐẠI KIM SƠN HD		ĐA ĐIỂM	ĐA ĐIỂM	PHƯỜNG KINH MÔN, P. HẢI PHÒNG	TRẦN PHÚ MIE	LE VĂN HÈN	PHẬT ANH	TK/CS
		HÀNG MỤC	HÀNG MỤC	HỆ THỐNG XUẤT TẬP TRUNG 140 MẠNG.Đ	QLKT	KIỂM TRA	TITLE	2005
		TÊN BẢN VẼ	TÊN BẢN VẼ	MẶT CẮT BỀ	VU QUANG HUNG	VU QUANG HUNG	KÝ HIỆU BV:	X.NT/KT-04



**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG
MINH AN**

91 Lương Định Của, P. Tân Hưng, TP. Hải Phòng

ĐT: 0986.987.793 - 0984.236.024

.....o0o.....

THUYẾT MINH KỸ THUẬT

HẠNG MỤC : HỆ THỐNG XLNT TẬP TRUNG CÔNG SUẤT 140 M3/NG.Đ
NƯỚC SAU XỬ LÝ ĐẠT QCVN 40:2011/BTNMT MỨC A

ĐỊA ĐIỂM : PHƯỜNG KINH MÔN, TP. HẢI PHÒNG

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH ĐẠI KIM SƠN HD

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG MINH AN



Hải Phòng, 2025



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG
MINH AN

91 Lương Định Của, P. Tân Hưng, TP. Hải Phòng

ĐT: 0986.987.793 - 0984.236.024

.....000.....

THUYẾT MINH KỸ THUẬT

HẠNG MỤC : HỆ THỐNG XLNT TẬP TRUNG CÔNG SUẤT 140
M³/NG.Đ

NƯỚC SAU XỬ LÝ ĐẠT QCVN 40:2011/BTNMT MỨC
A

ĐỊA ĐIỂM : PHƯỜNG KINH MÔN, TP. HẢI PHÒNG

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH ĐẠI KIM SƠN HD

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG MINH
AN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ



Hải Phòng, 2025



Phần I

TIÊU CHÍ THIẾT KẾ VÀ PHẠM VI CÔNG VIỆC

1.1. Tiêu chí thiết kế

- Đáp ứng nhu cầu của Chủ đầu tư.
- Ứng dụng Công nghệ tiên tiến, đã áp dụng thành công ở các công trình tương tự, không lạc hậu trong tương lai, mở rộng công suất xử lý dễ dàng.
- Sử dụng thiết bị hiện đại chuyên dùng cho xử lý nước thải, tuổi thọ cao, vận hành ổn định, tiết kiệm năng lượng, chịu được điều kiện thời tiết khắc nghiệt và có thể sửa chữa thay thế dễ dàng.
- Kiểm soát ít thông số, vận hành đơn giản và dễ dàng.
- Nước thải sau xử lý luôn đạt QCVN 40:2011/BTNMT mức A trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

1.2. Phạm vi công việc

Phạm vi cung cấp của chúng tôi cho dự án này như sau:

- Đề xuất giải pháp kỹ thuật, thiết kế, thi công trạm xử lý nước thải.
- Cung cấp thiết bị cho trạm xử lý nước thải theo hồ sơ thiết kế.
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị, đường ống công nghệ.
- Hiệu chỉnh và vận hành, lấy mẫu thử nghiệm.
- Chuẩn bị tài liệu vận hành, đào tạo công nhân vận hành.
- Lấy mẫu mang phân tích và nhận kết quả từ đơn vị có thẩm quyền.
- Bàn giao công trình cho Chủ đầu tư.
- Bảo hành công trình.
- Hỗ trợ về tư vấn công nghệ, vận hành và các vấn đề liên quan cho Chủ đầu tư trong quá trình sử dụng hệ thống.



Phần II

CÔNG NGHỆ XỬ LÝ

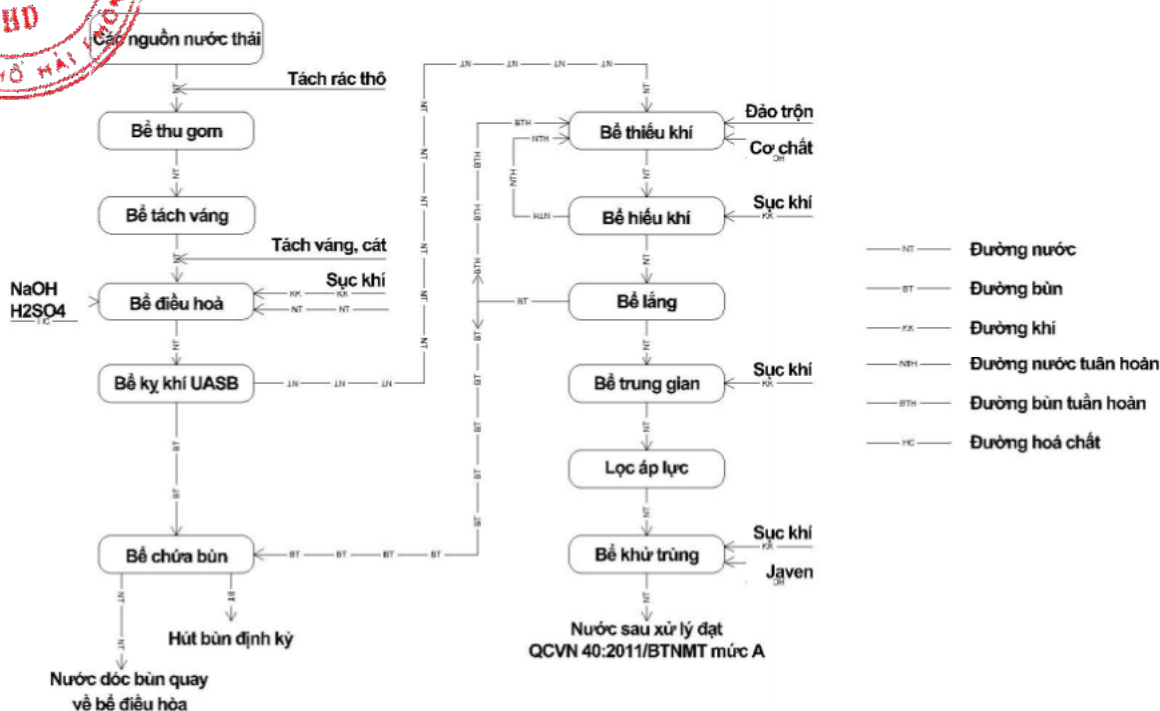
2.1. Đề xuất quá trình xử lý cơ bản bao gồm

Với tính chất nước thải và yêu cầu xử lý đã nêu trên, đề xuất công nghệ xử lý cho Hệ thống xử lý nước thải gồm các công đoạn:

- Tiền xử lý
 - + Loại bỏ rác, cặn thô có kích thước lớn hơn 10 mm.
 - + Loại bỏ váng dầu mỡ, cát.
 - + Điều hoà nồng độ và lưu lượng chất thải.
- Xử lý bậc 2
 - + Xử lý hóa lý: dùng để làm trong và khử màu nước thải bằng cách dùng các chất keo tụ (phèn, PAC...) và chất trợ keo để liên kết chất rắn lơ lửng và keo trong nước thành những bông cặn có kích thước lớn.
 - + Xử lý sinh học: Sử dụng công nghệ bùn sinh học kỵ khí - hiếu khí để khử, chuyển hoá các chất hữu cơ một cách triệt để, làm giảm nồng độ BOD, COD, SS... của nước thải.
- Xử lý bậc 3
 - Khử trùng nước thải
- Xử lý bùn dư
 - + Bùn dư được nén để tách nước trong bể chứa bùn.
 - + Sau đó sẽ được bơm hút vào Máy ép bùn xử lý ra bùn khô. Bùn khô được đơn vị có chức năng vận chuyển theo quy định.



2.2. Sơ đồ công nghệ



2.3. Thuyết minh công nghệ

Bể thu gom

Nước thải sẽ theo độ dốc tuyến ống về bể thu gom. Lược rác thô với kích thước khe 10mm được lắp đặt ngay tại dòng vào nhằm loại bỏ rác có kích thước lớn (cành cây, vỏ, giẻ, lá, túi nilong...) chảy vào hệ thống xử lý, tránh trường hợp gây tắc nghẽn đường ống, nghẹt bơm... ở các công trình phía sau. Rác thải sẽ được thu gom hằng ngày, trữ vào thùng và được đem đi xử lý hợp vệ sinh. Nước thải được bơm chuyển bậc lên bể tách váng.

Bể tách váng

Dựa trên nguyên lý tỷ trọng khác nhau của các thành phần váng nổi - cặn cát - nước, bể được thiết kế nhằm phân tách cát và váng dầu ra khỏi nước thải. Váng nổi sẽ được thu gom cho vào thùng chứa. Định kỳ, các chất này sẽ được thu gom và đem đi xử lý. Nước thải sau đó sẽ chảy sang Bể điều hòa.

Bể điều hòa

Bể điều hòa được thiết kế với thời gian lưu đủ lớn để cân bằng về lưu lượng và nồng độ các thành phần ô nhiễm có trong nước thải trước khi đi vào các công trình xử lý phía sau.

Một số ưu điểm của việc thiết kế Bể điều hòa cụ thể như sau:



Lưu trữ nước thải phát sinh vào những giờ cao điểm và phân phối đều cho các bể xử lý phía sau.

- Kiểm soát các dòng nước thải có nồng độ ô nhiễm cao.

Tránh gây quá tải cho các quá trình xử lý phía sau.

- Có vai trò là bể chứa nước thải khi hệ thống dừng lại để sửa chữa hay bảo trì.

Trong Bể điều hòa có lắp đặt hệ thống cấp khí đáy bể giúp khuấy trộn đều nước thải, tránh tạo điều kiện cho quá trình phân hủy sinh học kỵ khí do đó hạn chế phát sinh mùi hôi. Ngoài ra bể còn được trang bị một hệ châm axit/ xút để đảm bảo cho pH của nước thải luôn duy trì trong khoảng 6.8 – 7.2 trước khi vào bể kỵ khí UASB. Tại bể điều hòa, O₂ máy bơm hoạt động luân phiên sẽ vận chuyển nước thải từ bể điều hòa lên bể xử lý sinh học kỵ khí UASB.

Bể sinh học kỵ khí UASB

Tại bể kỵ khí UASB, nước thải được phân phối đều từ dưới lên trên qua hệ thống phân phối nước đáy bể, với vận tốc nước dâng trong bể UASB luôn được duy trì một cách thích hợp (từ 0,58 – 1.2m/h), khi qua đệm bùn kỵ khí chất hữu cơ sẽ bị phân hủy bởi các vi sinh vật kỵ khí thành nước và khí biogas bay lên. Khí biogas sinh ra được thu hồi và qua bộ xử lý hấp thụ, nước sau xử lý đi qua bộ phận tách ba pha (khí – lỏng – rắn) theo máng thu chảy sang bể xử lý sinh học thiếu khí Anoxic.

Bể sinh học thiếu khí Anoxic

Tại đầu vào của Bể thiếu khí, nước thải sẽ được điều chỉnh pH bằng cách bổ sung hóa chất xút từ hệ thống bơm định lượng nhằm đưa pH về giá trị tối ưu trước khi nước thải chảy vào cụm xử lý sinh học, tránh gây ức chế hoạt động của các vi sinh vật trong bể. Tương tự, cơ chất hoặc dinh dưỡng cũng được bổ sung khi cần thiết để quá trình sinh học hoạt động ổn định.

Tại Bể thiếu khí, quá trình khử nitrat được thực hiện, nitrat NO₃⁻ được chuyển thành khí N₂ trong điều kiện không có oxy. Bùn hoạt tính từ Bể hiếu khí và Bể lắng sinh học sẽ được tuần hoàn lại Bể thiếu khí để tăng cường cho quá trình khử nitrat.

Máy khuấy chìm được lắp đặt trong bể nhằm tạo sự khuấy trộn giữa nước thải và lớp bùn vi sinh, giúp quá trình xử lý diễn ra hiệu quả hơn.

Sau đó, nước thải được xử lý sinh học tiếp tục tại Bể hiếu khí

Bể sinh học hiếu khí Aerotank

Tiếp tục nước thải chảy sang bể sinh học hiếu khí. Các vi khuẩn hiếu khí (bùn hoạt tính) phân hủy các chất hữu cơ (chủ yếu là chất hữu cơ hòa tan). Oxy được cung cấp vào bể nhằm tạo điều kiện cho quá trình phân hủy sinh học các hợp chất hữu cơ. Sau khi tiến hành quá trình xử lý sinh học, phần



Những chất hữu cơ (COD, BOD) có trong nước thải được loại bỏ. Nước thải rời khỏi bể hiếu khí được dẫn qua bể lắng để tiến hành quá trình tách nước và bùn.

Bể lắng

Hỗn hợp bùn/ nước trong Bể hiếu khí sẽ được dẫn sang Bể lắng sinh học.

Tại đây, các hạt cặn và bông cặn có khả năng lắng xuống đáy bể bằng quá trình lắng trọng lực. Phần nước trong sẽ theo máng thu dẫn qua ngăn thu nước của bể lắng. Phần bùn sẽ tự lắng về hố chứa bùn ở đáy bể nhờ dàn gạt bùn và tự chảy vào Ngăn bơm bùn sinh học. Một phần sinh khối xác định sẽ được tuần hoàn về đầu Bể thiếu khí để duy trì nồng độ bùn hoạt tính thích hợp trong bể. Một phần bùn dư được bơm sang Bể chứa bùn.

Nước sau tách bùn ở bể lắng được dẫn qua Bể khử trùng.

Bể khử trùng

Nước thải sau khi lọc tiếp tục được đưa đến xử lý tại bể khử trùng, tiếp xúc chlorine trong Javel. Chlorine, chất oxy hóa mạnh thường được sử dụng rộng rãi trong quá trình khử trùng nước thải. Ngoài mục đích khử trùng, chlorine còn có thể sử dụng để giảm mùi trong nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Như vậy, sau khi qua các giai đoạn xử lý triệt để đảm bảo nước sau xử lý luôn đạt QCVN 40:2011/BTNMT mức A, trước khi thải ra môi trường.

Bể chứa bùn

Bùn dư từ Ngăn bơm bùn sinh học sẽ được đưa về Bể chứa bùn. Dòng khí được trích vào trong bể giúp xáo trộn đủ cũng như hỗ trợ quá trình phân huỷ hoàn toàn.

Kết quả của quá trình phân huỷ bùn:

- Tăng nồng độ chất rắn trong bùn;
- Giảm thành phần chất hữu cơ trong bùn, giúp ổn định bùn;
- Giảm thể tích bùn trước khi đưa đi xử lý.



Phần III

THUYẾT MINH TÍNH TOÁN

Công suất	=	140	m ³ /ngày
Số giờ hoạt động trong ngày	=	24,0	giờ
Lưu lượng trung bình ngày	=	5,83	m ³ /giờ
Lưu lượng cực đại	=	8,75	m ³ /giờ
Hệ số không điều hòa	=	1,5	

1. Bể thu gom

Lưu lượng thiết kế Q	=	8,75	m ³ /giờ
Thời gian lưu cần thiết, T	=	20	phút
Thể tích nước yêu cầu, V _{yc} = Q*T	=	2,92	m ³
Kích thước bể			
Chiều dài, D	=	2,3	m
Chiều rộng, R	=	1,0	m
Chiều cao nước, H	=	1,3	m
Chiều cao tổng, H _t	=	2,5	m
Số lượng, n	=	1,0	bể

2. Bể tách dầu

Lưu lượng thiết kế Q	=	8,75	m ³ /giờ
Thời gian lưu cần thiết, T	=	1,5	giờ
Thể tích nước yêu cầu, V _{yc} = Q*T	=	13,13	m ³
Kích thước bể			
Chiều dài, D	=	4,4	m
Chiều rộng, R	=	1,1	m
Chiều cao nước, H	=	3,3	m
Chiều cao tổng, H _t	=	3,8	m
Số lượng, n	=	1,0	bể

3. Bể điều hòa

Lưu lượng thiết kế Q	=	5,83	m ³ /giờ
Thời gian lưu cần thiết, T	=	7,5	Giờ
Thể tích nước yêu cầu, V _{yc} = Q*T	=	43,75	m ³
Kích thước bể			
Chiều dài, D	=	4,7	m
Chiều rộng, R	=	3,4	m
Chiều cao nước, H	=	2,8	m
Chiều cao tổng, H _t	=	3,8	m
Số lượng, n	=	1,0	bể

4. Bể kỵ khí UASB



Lưu lượng thiết kế Q	=	5,83	m ³ /giờ
Thời gian lưu cần thiết, T	=	7	Giờ
Thể tích nước yêu cầu, Vyc = Q*T	=	40,83	m ³
Kích thước bể			
Chiều dài, D	=	3,6	m
Chiều rộng, R	=	3,6	m
Chiều cao nước, H	=	3,2	m
Chiều cao tổng, Ht	=	3,8	m
Số lượng, n	=	1,0	bể

5. Bể thiếu khí Anoxic

Lưu lượng thiết kế Q	=	5,83	m ³ /giờ
Thời gian lưu cần thiết, T	=	5,5	Giờ
Thể tích nước yêu cầu, Vyc = Q*T	=	32,08	m ³
Kích thước bể			
Chiều dài, D	=	4,8	m
Chiều rộng, R	=	2,1	m
Chiều cao nước, H	=	3,4	m
Chiều cao tổng, Ht	=	3,8	m
Số lượng, n	=	1,0	bể

6. Bể hiếu khí

Lưu lượng thiết kế Q	=	5,83	m ³ /giờ
Thời gian lưu cần thiết, T	=	11	Giờ
Thể tích nước yêu cầu, Vyc = Q*T	=	64,17	m ³
Kích thước bể			
Chiều dài, D	=	7,0	m
Chiều rộng, R	=	2,7	m
Chiều cao nước, H	=	3,4	m
Chiều cao tổng, Ht	=	3,8	m
Số lượng, n	=	1,0	bể

7. Bể lắng

Lưu lượng thiết kế Q	=	140	m ³ /ngày
Tải trọng bề mặt L	=	15	m ³ /m ² .ngày
Thể tích nước yêu cầu, Vyc = Q*T	=	9,3	m ²
Kích thước bể			
Chiều dài, D	=	3,1	m
Chiều rộng, R	=	3,1	m
Chiều cao nước, H	=	3,4	m
Chiều cao tổng, Ht	=	3,8	m
Số lượng, n	=	1,0	bể

8. Bể trung gian cấp lọc



Lưu lượng thiết kế Q	=	5,83	m ³ /giờ
Thời gian lưu cần thiết, T	=	2,5	Giờ
Thể tích nước yêu cầu, Vyc = Q*T	=	14,58	m ³
Kích thước bể			
Chiều dài, D	=	3,1	m
Chiều rộng, R	=	2,0	m
Chiều cao nước, H	=	2,7	m
Chiều cao tổng, Ht	=	3,8	m
Số lượng, n	=	1,0	bể

9. Bể khử trùng

Lưu lượng thiết kế Q	=	5,83	m ³ /giờ
Thời gian lưu cần thiết, T	=	2	Giờ
Thể tích nước yêu cầu, Vyc = Q*T	=	11,67	m ³
Kích thước bể			
Chiều dài, D	=	3,1	m
Chiều rộng, R	=	1,5	m
Chiều cao nước, H	=	2,8	m
Chiều cao tổng, Ht	=	3,8	m
Số lượng, n	=	1,0	bể

10. Bể chứa bùn

Lưu lượng thiết kế Q	=	5,83	m ³ /giờ
Thời gian lưu cần thiết, T	=	5	Giờ
Thể tích nước yêu cầu, Vyc = Q*T	=	29,17	m ³
Kích thước bể			
Chiều dài, D	=	4,7	m
Chiều rộng, R	=	1,9	m
Chiều cao nước, H	=	3,3	m
Chiều cao tổng, Ht	=	3,8	m
Số lượng, n	=	1,0	bể



Phần IV

DANH MỤC THIẾT BỊ

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	BỂ THU GOM				
1,1	Rọ chắn rác thô	- Vật liệu: Inox 304 - Khe lọc: 10-20 mm	Bộ	1,0	
1,2	Bơm thu gom	- Bơm chìm - Xuất xứ: Asia - Lưu lượng max: 24 m ³ /h - Cột áp max: 11 m - Công suất: 0,75 kW/380V/50Hz	Cái	2,0	
1,3	Phao báo mức	- Xuất xứ: EU - Chiều dài dây: 5m - Nguồn điện: 10A/250V	Cái	1,0	
2	BỂ TÁCH VẮNG				
3	BỂ ĐIỀU HÒA				
3,1	Rọ chắn rác tinh	- Vật liệu: Inox 304 - Khe lọc: 4-6 mm	Bộ	1,0	
3,2	Bơm điều hòa	- Bơm cạn - Xuất xứ: Asia - Lưu lượng: 6-21 m ³ /h - Cột áp: 22-14 m - Công suất: 1,5 kW/380V/50Hz	Cái	2,0	
3,3	Phao báo mức	- Xuất xứ: EU - Chiều dài dây: 5m - Nguồn điện: 10A/250V	Cái	1,0	
3,4	Thiết bị đo pH tự động	- Xuất xứ: Hàn Quốc - Dải đo: (0÷14) pH - Nhiệt độ: (0÷80)°C - Điểm hiệu chuẩn: 4 hoặc 9 pH - Màn hình LED: 3,0" - Tín hiệu ra: On/off và 4-20mA - Nguồn điện: 1pha/ 220V/50Hz	Bộ	1,0	
3,5	Đồng hồ đo lưu lượng	- Đồng hồ cơ - Xuất xứ: Malaysia - Đường kính: DN50	Cái	1,0	



4	BỂ UASB				
4,1	Hệ thống tách pha, máng thu nước	- Vật liệu: Inox304	Bộ	1,0	
4,2	Máy khuấy	- Khuấy chìm - Xuất xứ: Asia - Lưu lượng max: 108 m ³ /h - Công suất: 0,4kW/380V/50Hz	Cái	2,0	
4,3	Bộ dẫn hướng	- Vật liệu: Inox 304 - Hộp dẫn hướng, xích kéo, ...	Bộ	2,0	
4,4	Đệm vi sinh	- Dạng tấm - Kích thước: LxWxH= 1x0,5x0,5 m - Bể mặt riêng: ≥ 200 m ² /m ³ - Vật liệu: nhựa PVC			
4,5	Giá đỡ đệm vi sinh	- Vật liệu: Inox 304	Bộ	1,0	
4,6	Bơm bùn	- Bơm chìm - Xuất xứ: Asia - Lưu lượng max: 20 m ³ /h - Cột áp max: 8,5 m - Công suất: 0,4 kW/380V/50Hz	Cái	1,0	
5	BỂ THIẾU KHÍ				
5,1	Máy khuấy	- Khuấy chìm - Xuất xứ: Asia - Lưu lượng: 108 m ³ /h - Công suất: 0,4kW/380V/50Hz	Cái	2,0	
5,2	Bộ dẫn hướng	- Vật liệu: Inox 304 - Hộp dẫn hướng, xích kéo, ...	Bộ	2,0	
6	BỂ HIẾU KHÍ				
6,1	Bơm tuần hoàn	- Bơm chìm - Xuất xứ: Asia - Lưu lượng max: 24 m ³ /h - Cột áp max: 11 m - Công suất: 0,75	Cái	2,0	



		kW/380V/50Hz			
6,2	Đĩa phân phối khí tĩnh	- Xuất xứ: EU - Lưu lượng: 2 - 6 m ³ /h - Đường kính đĩa: 268 mm - Đầu nối: ren 27 mm	Đĩa	39,0	
7	BỂ LẮNG				
7,1	Ống lắng trung tâm	- Vật liệu: Inox 304	Bộ	1,0	
7,2	Tấm răng cưa, tấm chắn bùn	- Vật liệu: Inox 304	Bộ	1,0	
7,3	Máy gạt bùn	- Xuất xứ: Asia - Tốc độ: 0,1 vòng/phút - Công suất: 0,75kW/380V/50Hz	Cái	1,0	
7,4	Trục, cánh gạt bùn	- Vật liệu cánh và trục: Inox304 - Vật liệu tấm gạt: Cao su	Bộ	1,0	
8	BỂ THU BÙN				
8,1	Bơm bùn	- Bơm chìm - Xuất xứ: Asia - Lưu lượng max: 20 m ³ /h - Cột áp max: 8,5 m - Công suất: 0,4 kW/380V/50Hz	Cái	1,0	
9	HỆ THỐNG LỌC				
9,1	Bồn lọc áp lực	- Vật liệu: Composite - Kích thước: D750xH1.850 mm - Phụ kiện đồng bộ - Vật liệu lọc: Than hoạt tính, cát thạch anh, sỏi	Cái	1,0	
9,2	Bơm lọc	- Bơm cạn - Xuất xứ: Asia - Lưu lượng: 6-21 m ³ /h - Cột áp: 22-14 m - Công suất: 1,5	Cái	2,0	



		kW/380V/50Hz			
9,3	Phao báo mức	- Xuất xứ: EU - Chiều dài dây: 5m - Nguồn điện: 10A/250V	Cái	1,0	
9,4	Đồng hồ đo lưu lượng nước	- Đồng hồ loại cơ - Xuất xứ: Malaysia - Vật liệu: Thân gang nối bích - Đường kính: DN50	Cái	1,0	
10	BỂ KHỬ TRÙNG				
11	HỆ THỐNG CẤP HOÁ CHẤT				
11,1	Bồn hóa chất	- Bồn loại đứng - Thể tích: 500L - Vật liệu: nhựa	Cái	4,0	
11,2	Bơm định lượng hóa chất	- Xuất xứ: Asia - Lưu lượng: 75 L/h - Cột áp: 10 bar - Công suất: 0,25 kW/380V/50Hz	Cái	5,0	
11,3	Máy khuấy	- Xuất xứ: Asia - Tốc độ: 60 v/phút - Công suất: 0,2 kW/380V/50Hz	Cái	2,0	
9	HỆ THỐNG CẤP KHÍ				
9,1	Máy thổi khí	- Xuất xứ: Asia - Lưu lượng: 4,9 m ³ /phút - Cột áp: 4 m - Động cơ điện: 7,5 kW/380V/50Hz - Việt Nam - Phụ kiện bao gồm: Ống giảm thanh đầu đẩy, đầu hút; Van một chiều, van an toàn; Đồng hồ đo áp, bộ máy; Khớp nối mềm; puli + curoa	Bộ	2,0	
11	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG				
11,1	Đường ống cấp khí	- Phần trên cạn: Thép mạ kẽm - Phần ngập trong nước: uPVC C2	Gói	1,0	



11,2	Đường ống nước, bồn, hoá chất	- Vật liệu: uPVC C2	Gói	1,0	
11,3	Hệ thống giá đỡ	- Phần trên cạn: Thép sơn chống gỉ - Phần ngập trong nước: Inox 304	Gói	1,0	
11,4	Phụ kiện (cút, tê, côn, ...)	- Phù hợp khẩu độ, chủng loại ống	Gói	1,0	
12	HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN, ĐIỆN ĐỘNG LỰC				
12,1	Hệ thống điện điều khiển	- Vỏ tủ: Sơn tĩnh điện - Dây điều khiển đi trong tủ sử dụng cáp đồng bọc PVC - Hệ thống điều khiển tự động hoặc bằng tay - Linh kiện chính: Hàn Quốc, Đài Loan, Việt Nam	Gói	1,0	
12,2	Hệ thống điện động lực	- Cáp điện: Cadisun - Ống luồn dây điện: ống xoắn, ống gen điện, ...	Gói	1,0	



Phần V:

VẬN HÀNH, HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH, BẢO TRÌ VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA SỰ CỐ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

5.1. VẬN HÀNH, HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH HỆ THỐNG

Mô tả chi tiết quy trình vận hành hệ thống

Bể điều hòa

- Hệ thống phân phối khí thô đảo trộn nước thải trong bể điều hòa được sử dụng chung cùng lưu lượng khí từ máy cung cấp dưỡng khí. Mức nước trong bể điều hòa dao động theo giờ trong ngày. Cần điều chỉnh lưu lượng cấp khí xuống bể điều hòa phù hợp với mức nước thấp nhất.
- Bơm bể tại bể điều hòa – WPO2 gồm 02 bơm hoạt động luân phiên theo 03 chế độ: auto/off/man. Ở chế độ auto, bơm hoạt động theo tín hiệu phao báo mức nước LSO2 tại điều hòa được cài đặt theo timer điện tử trong tủ điện điều khiển. Phao báo đẩy bơm chạy, phao báo cạn bơm ngắt. Lưu lượng nước từ bể điều hòa sang cụm bể phản ứng được định lượng bằng hệ thống van điều tiết lưu lượng.
- Hàng ngày kiểm tra hoạt động của phao báo mức, bơm điều hòa, hệ thống đảo trộn khí thô ghi nhật ký vận hành.

Bể sinh học kỵ khí

- Máy khuấy chìm hoạt động theo 3 chế độ auto/off/man. Ở chế độ auto (tự động) máy hoạt động theo tín hiệu phao báo mức nước LSO2.
- Hàng ngày kiểm tra hoạt động của thiết bị, kiểm tra chất lượng vi sinh vật tại bể – ghi nhận trong nhật ký vận hành.

Bể sinh học hiếu khí

- Máy cung cấp dưỡng khí hoạt động theo 3 chế độ auto/off/man. Ở chế độ auto máy thổi khí AOO1 hoạt động luân phiên theo cài đặt timer trong tủ điện điều khiển. Hàng ngày kiểm tra hoạt động của thiết bị, áp suất, mức dầu của máy.
- Hệ thống phân phối khí tại bể sinh học hiếu khí: kiểm tra mức độ đồng đều, lượng khí cấp vào bể sinh học hiếu khí.
- Hàng ngày theo dõi, kiểm tra hoạt động của các thiết bị, ghi nhận trong nhật ký vận hành.

Bể lắng sinh học



Bơm bùn hoạt động theo 03 chế độ: auto/off/man. Ở chế độ auto, bơm hoạt động theo timer điện tử trong tủ điện điều khiển.

Bể trung gian

Bơm trung gian hoạt động theo 03 chế độ: auto/off/man. Ở chế độ auto, bơm hoạt động theo tín hiệu phao báo mức nước LSO3 tại bể trung gian được cài đặt theo timer điện tử trong tủ điện điều khiển. Phao báo đầy bơm chạy, phao báo cạn bơm ngắt. Lưu lượng nước từ bể trung gian được định lượng bằng hệ thống van điều tiết lưu lượng.

Bể khử trùng

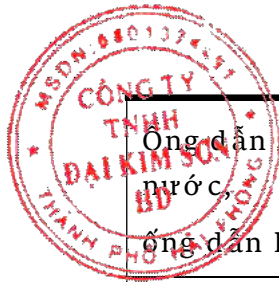
- Lượng hóa chất khử trùng trong quá trình vận hành thử nghiệm sử dụng được dùng như tính toán thuyết minh kỹ thuật. Trong quá trình chạy thử nghiệm, hóa chất khử trùng được điều tiết đến khối lượng tối ưu.
- Hoạt động của thiết bị, lượng hóa chất sử dụng được ghi nhận hàng ngày trong nhật ký vận hành.

5.2. BẢO TRÌ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- Dựa theo thông số kỹ thuật của nhà chế tạo và cung cấp thiết bị và tình trạng sử dụng. Thay thế hoặc bảo trì bắt buộc các chi tiết máy, thiết bị theo lịch trình cố định.
- Lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa cần căn cứ vào chủng loại máy móc, thiết bị cụ thể và thời gian làm việc thực tế của máy móc thiết bị. Có thể tham khảo bảng dưới đây

Bảng Lịch trình kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị

Tên máy móc Thiết bị	Kiểm tra		Sửa chữa	
	Nội dung kiểm tra	Chu kì (tháng)	Nội dung sửa chữa	Chu kì (tháng)
Máy bơm	Dầu mỡ, nhiệt độ, độ hở và độ đồng trục, động cơ điện.	1	Bảo dưỡng các bộ phận bên trong. Hiệu chỉnh độ hở của ổ trục độ mòn của bánh xe công tác và đệm chống thấm.	3
Máy thổi khí	Dầu mỡ, nhiệt độ, độ hở và độ đồng trục, động cơ điện.	1	Bảo dưỡng các bộ phận bên trong. Hiệu chỉnh độ hở của ổ trục.	2



Ống dẫn nước, ống dẫn khí	Kiểm tra độ kín của các mối nối.	2	Thay thế các gioăng bị hư hỏng.	6
Van khoá (chặn)	Kiểm tra độ kín.	2	Thay thế gioăng đệm, sửa Chữa chỗ hở, rò rỉ.	12
Máy bơm định lượng	Kiểm tra pittông màng, kiểm tra dầu.	1	Thay màng pittông, thay dầu cho máy.	12
Máy khuấy	Dầu mỡ, nhiệt độ, độ hở và độ đồng trục động cơ điện.	1	Bảo dưỡng các bộ Phận bên trong. Hiệu chỉnh độ hở của ổ trục, độ mòn của bánh xe công tác và đệm chống thấm.	3

5.3. PHÒNG NGỪA SỰ CỐ

Hệ thống xử lý nước thải cho trạm xử lý được thiết kế hoàn toàn tự động, tuy nhiên cần được kiểm soát để ngăn ngừa giảm thiểu các sự cố thoát nước thải chưa qua xử lý ra nguồn tiếp nhận. Công tác phòng ngừa sự cố cần thực hiện:

- Hằng ngày kiểm soát sự hoạt động của thiết bị báo mức nước, bơm.
- Định kì bảo trì, bảo dưỡng thiết bị theo lịch kiểm tra. Có thiết bị dự phòng thay thế khi hỏng cần sửa chữa.
- Kiểm soát lưu lượng nước thải về hệ thống xử lý, chất lượng nước thải sau xử lý. Định kỳ quan trắc nước thải theo quy định của cơ quan chức năng.
- Theo dõi vận hành của trạm xử lý, thực hiện công tác nhật ký vận hành, tham khảo đơn vị tư vấn thiết kế để có hướng xử lý sự cố (nếu có) kịp thời và đúng kỹ thuật.

